

Hòa Đa

Ngày Xưa Thân Ái



Vào mấy năm cuối Đại Học, mỗi kỳ hè tôi thường buộc mình phải đọc một tác giả, khi thì Doãn Quốc Sỹ, khi Lê Tất Điều... Hè trước năm cuối cùng tôi đọc Sơn Nam. Những tác phẩm của ông, đặc biệt cuốn Hương Rừng Cà Mau đã đưa tôi vào một thế giới hoàn toàn xa lạ đối với một người sinh trưởng ở Miền Trung. Cuốn Văn Minh Miệt Vườn lại cho tôi một cái nhõn tò mò về vùng đất trù phú, dồi dào sinh lực của đất nước.

Năm 1970, sau khi tốt nghiệp, tôi chọn ngay Vĩnh Long, mặc dù không biết gì nhiều về miền Nam. Từ trước, vùng đất xa nhất mà tôi biết về phía Nam là Mỹ Tho, trong những cuộc đi chơi với bạn bằng xe gắn máy. Những đồng lúa xanh mướt, những thôn xóm ẩn mình trong những hàng cây đã cho tôi những cảm giác thư thái sau những ngày bon chen trong thành phố đầy bụi bặm và tiếng ồn, hay bù đầu với những bài vở cuối năm. Tuy vậy, đối với tôi dọc theo quốc lộ 4 từ Sài Gòn đến Mỹ Tho vẫn còn "thành thị", chỉ kém Sài Gòn chút ít.

[Đền Sài Gòn ngọn xanh ngọn đỏ](#)

[Đền Mỹ Tho ngọn tỏ ngọn lu](#)

...

Bây giờ, đi nhận nhiệm sở với hành trang gọn nhẹ nhất của một thầy giáo mới ra trường, chưa có vương bận. Tôi gần như choáng ngợp với cái mướt

mà, trù phú của miền Nam. Lần này vượt xa hơn về miền Tây, đối với tôi, cái gì cũng lạ và hấp dẫn...

Lần đầu tiên đi phà qua sông Mỹ Thuận, vào tháng chín, nước bắt đầu đổ về, những "giề" lục bình trôi băng băng trên dòng sông rộng, làm tôi nhớ đến câu ví ở miền Nam: "Ăn như xáng múc, làm như lục bình trôi" mà mỉm cười một mình, làm như lục bình trôi như thế này thì tốt quá rồi. Về sau, khi sống hẳn ở nông thôn, thấy lục bình lơ dờ trôi ra trôi vào trên mương rạch, mới biết câu ví không sai.

Cái không khí ồn ào, náo nhiệt ở bến xe miền Tây, phà Mỹ Thuận... gây cho tôi một cảm giác vừa khó chịu vừa thích thú. Ở bến xe, người ta tranh khách một cách quyết liệt đến độ không cần biết khách có đồng ý hay không. Hai hãng xe lớn trên tuyến đường Sài Gòn - Vĩnh Long: Hiệp Thành và Nhan Nhựt, cứ chừng 15 phút có một chuyến hơn năm mươi khách rời bến, suốt từ bốn năm giờ sáng đến xế chiều... không biết khách ở đâu mà nhiều thế.

Ngoài Vĩnh Long, còn có Cần Thơ, Sa Đéc, Long Xuyên, Châu Đốc, Sóc Trăng... để chừng lưu lượng xe rời bến để đi về miền Tây có thể đạt được một phút một chiếc. Làm con toán nhỏ, ta thấy ngay sự thịnh vượng của miền Nam. Cảnh này không có ở các tuyến đường đi về miền Trung, dù các tuyến đường miền Trung dài hơn và nhiều thành phố, thị trấn dọc quốc lộ hơn. Trên quốc lộ 1, gần như không có cảnh xe đua nhau, giành đường vượt ẩu, tài xế xe đồ miền Trung giỏi băng đèo, vượt núi, nhưng không có cái liều lĩnh và khéo léo như tài xế xe đồ miền Tây. Cả lơ xe cũng vậy, lơ xe miền Tây nhanh nhẹn và xông xáo hơn nhiều. Lúc đó, cầu Bến Lức và cầu Long An chưa làm mới, cầu cũ chỉ sử dụng một chiều... Phải tận mắt nhìn thấy cảnh cả đoàn xe chồm tới, giành đường, cố chiếm ưu thế để qua cầu trước, khi bảng tín hiệu lưu thông giữa cầu vừa đổi, mới thấy hết tài nghệ của tài xế và lơ xe... Cả đoàn xe, chiếc này chỉ cách chiếc kia vài tấc và tất cả đều

phóng nhanh để giành ưu thế qua cầu. Mà khách đi xe cũng khoái được ngồi trên xe chiếm được thượng phong trên quốc lộ, xe nào chậm chạp là mất khách...

Qua khỏi Trung Lương, miền Nam mở ra như một bức tranh tươi mát, xóm nhà nào cũng nương mình sau một mảnh vườn nhỏ với cây ăn trái đủ loại, bên cạnh là những thửa ruộng xanh mướt, óng ả. Phong cảnh như một bức tranh đầy màu sắc, càng nhìn càng ưa. Cái phì nhiêu giàu có đã thể hiện ngay trước mặt, qua cách sinh hoạt, trang phục. Người bình dân ở đây không có nét lam lũ cơ hàn như người dân ở Trung phần. Miền Nam, vùng đất "làm chơi, ăn thiệt" như người dân ở đây vẫn thường hãnh diện, đã là vựa lúa chính cho toàn thể đất nước.

Sau khi nhận nhiệm sở ở thị xã Vĩnh Long, sắp xếp xong chỗ ăn ở, tôi bắt đầu quan sát nếp sinh hoạt chung quanh. Ấn tượng sâu sắc tôi cảm nhận được ngay là tính dễ dãi và hồn hậu của người dân. Họ biểu lộ tình cảm một cách chân tình, không che dấu như người miền Trung hay khách sáo như người miền Bắc. Đến nhà, tình cờ nhằm lúc đang bữa ăn, ta sẽ thấy người dân ba vùng của đất nước sẽ hành xử hoàn toàn khác nhau. Người miền Bắc sẽ lễ phép mời: "Mời bác xơi cơm", khách phải biết lễ phép từ chối, nếu tự nhiên ngồi vào bàn là sẽ bị coi là thiếu lịch sự, tế nhị; Người Miền Trung sẽ tạm ngưng bữa cơm để tiếp khách, khách sẽ nói những gì cần thiết và xin kiếu, đi ngay; Người miền Nam sẽ chân thật hỏi: "Ăn cơm chưa?, sẵn bữa ăn luôn nghen!" dù bữa ăn của họ không phải lúc nào cũng sẵn sàng để đãi khách, và khách có thể không khách sáo gì ngồi vào bàn cùng gia chủ vừa ăn vừa nói chuyện. Chúng ta không thể nói cách nào hay hơn, đúng hơn. Nhưng người miền Nam rõ ràng không câu nệ những tiểu tiết và không cho rằng khách sẽ phật lòng vì những tiểu tiết ấy. Cũng vậy, sự xưng hô với nhau ở ba miền cũng thể hiện sự khác nhau. Người miền Nam thường đặt người đối

thoại vào vai vế của những bà con trong gia đình, nên họ gọi nhau bằng chú bác, cô dì, cậu mợ... một cách thân mật và dễ dãi. Vợ chồng (vào khoảng đầu thế kỷ 20, đến nay vẫn còn thấy ở những cặp lớn tuổi ở nông thôn Nam bộ) vẫn còn gọi nhau "mày tao" . Cách người dân miền Nam tôn trọng người khác là họ thường gọi nhau bằng thứ: anh Ba, chị Năm, chú Tám, Bác Tư... chỉ khi nào cần phân biệt anh Ba này với anh Ba kia (danh xưng ngôi thứ ba) họ mới sử dụng thêm tên ngay sau thứ :anh Ba Thiệt, chú Ba Tiệm, mà đôi khi những cái tên này chỉ là tên tục, hay biệt danh nào đó do nghề nghiệp, tính nết, được mọi người công nhận. Lần đầu tiên gặp nhau, người miền Nam thường hỏi : "xin lỗi, anh thứ mấy? - Dạ, thứ Năm - Vậy để tui gọi anh là anh Năm y tá nheng!" và như vậy là thành danh luôn. Cách thức này không phổ biến ở miền Trung và miền Bắc. Phải chăng điều kiện sinh hoạt, văn hóa, kinh tế... đã tạo nên những khác biệt đó? Cũng cần nói thêm là người miền Bắc và Trung thường đặt tên cho con, cháu theo những chữ rất hay, kèm theo một tên gọi khi còn nhỏ; ở miền Nam, ngoài những gia đình có chút ít học thức, thường sống nơi thị tứ hay thành phố, còn người bình dân, thường là nông dân, đặt tên con theo sự mơ ước đơn giản của mình. Cha tên là Lúa, đặt tên các con là Dun (Vun), Đầy, Bò, Dừa (Vừa) thỏa cái ước mơ muôn đời của người nông dân, lúc nào lúa cũng vun đầy trong bờ, vừa; Cha tên Khoẻ, đặt tên cho con là Mạnh, Vui, Mừng, Hón, Hở... Trung tâm thị xã Vĩnh Long, giới hạn gọn bởi bốn con sông hay rạch. Có thể đây là thành Vĩnh Long kháng Pháp của Phan Thanh Giản ngày trước, và sông rạch bao quanh là những hào thiên nhiên hay nhân tạo chung quanh một thành trì quân sự ngày xưa. Nói với bên ngoài là mấy chiếc cầu, người Vĩnh Long đã đặt chúng vào bài thơ:

[Đèn nào cao bằng đèn Cầu Lộ](#)

[Gái nào ngộ cho bằng gái Cầu Kinh](#)

Trai nào xinh bằng trai Cầu Thiềng Đức

Nhiều lục bình nhưt là sông Cầu Lầu

Không biết gái Cầu Kinh (cầu Kinh cụt) và trai cầu Thiềng Đức xinh đến mức nào, nhưng đúng là đèn trên Cầu Lộ cao nhất, vì đây là cầu cao nhất ở Thị xã Vĩnh Long và sông Cầu Lầu nhiều lục bình nhất vì đây là con sông đào, dẫn nước từ sông Long Hồ vào vùng ruộng vườn (cũng có thể đây là hào chiến lược che chở thành Vĩnh Long thời cụ Phan), nên khi thủy triều lên, lục bình từ sông Cổ Chiên, qua sông Long Hồ, trôi tấp vào sông Cầu Lầu, sanh sôi nảy nở theo năm tháng. Ngay sau biển cổ Mậu Thân, chợ Vĩnh Long bị triệt hạ gần như hoàn toàn, được cất lại mới hơn, rộng hơn với một thương xá hai tầng ngay bên cạnh. Vĩnh Long cũng là tỉnh duy nhất ở miền Nam có xe buýt dành riêng cho học sinh, nên học sinh ở các xã lân cận, cách tỉnh lỵ hơn mười cây số, vẫn có điều kiện để đi học hết bậc trung học dễ dàng. Vào giờ tan học, đứng trên cầu Lộ nhìn về phía chợ, học sinh trường nữ Tống Phước Hiệp với áo dài trắng đã tạo nên một hình ảnh không thể quên được... Vĩnh Long không phải là một trung tâm hành chánh và quân sự lớn ở miền Nam như Cần Thơ, nhưng Vĩnh Long là nơi có khá nhiều trường so với tổng dân số của thị xã: Chỉ tính cho bậc trung học thị xã đã có hai trường công, Tống Phước Hiệp và Thủ Khoa Huân, một bán công, hai trường tư, một trung học kỹ thuật, một trường kỹ thuật nông nghiệp, một trường sư phạm đào tạo giáo viên tiểu học; đó là chưa kể một Tiểu Chúng Viện và một Đại Chúng Viện của Giáo Hội Công Giáo và các trung tâm giáo dục tráng niên. Có thể nói Vĩnh Long là tỉnh chăm chút về giáo dục nhất ở đồng bằng sông Cửu Long.

Người bình dân, nói chung, đơn giản và bình dị như bất kỳ người dân Nam Bộ nào. Họ nghĩ gì nói nấy, ít rào đón, ít màu mè. Tinh thần "kiến nghĩa bất vi, vô đồng giả - lâm nguy bất cứu mạc anh hùng" của Lục Vân Tiên

(Nguyễn Đình Chiểu) có sẵn trong giọng máu của người dân Nam Bộ. Người bình dân trong Nam, trừ ít người có học biết truyện Kiều, còn lại thì ai cũng thuộc thơ Lục Vân Tiên, cũng như người Bắc thuộc truyện Kiều, những tính nết nhân vật trong truyện cũng đi vào đời sống người bình dân và trở thành một thứ tính từ, hay danh từ chung (Bùi Kiệm dê, Bùi Kiệm thi rớt, Vân Tiên đui...) như các nhân vật trong truyện Kiều (Sở Khanh, Tú Bà, Hoạn Thư...) cách nói thơ Vân Tiên là cách hoàn toàn riêng biệt của giới bình dân trong Nam. Sống bình dị, không nghĩ gì nhiều đến tương lai vì được thiên nhiên ưu đãi, người bình dân trở nên hời hợt, dễ dãi, không có chiều sâu. Càng đi dần về nông thôn, những tính chất kể trên của người dân càng thể hiện rõ. Họ ăn to, nói lớn, hơi có vẻ lớn lối, thích nói chữ, dù chỉ là nhắc lại những gì học lóm được ở đâu đó, tự ý biến đổi cho phù hợp với hoàn cảnh, không câu nệ những tiểu tiết... Ai ở miền Nam, nhất là ở nông thôn, đều biết chuyện phải coi ngày lành giờ tốt để làm lễ nhập quan, phát tang, chôn cất... khi trong nhà có người chết. Đây là việc vô cùng hệ trọng vì họ tin là sẽ ảnh hưởng rất lớn đến tương lai của những người còn sống, nhất là khi người chết là một trưởng bối, con cháu (nhất là con trai, con dâu trưởng, cháu nội trai...) sẽ chịu ảnh hưởng nếu giờ liệm hay hạ huyệt nhằm vào giờ trùng (ngay cả một số người công giáo ở Nam bộ cũng tin như thế). Từ đó nảy sinh hiện tượng có những đám phải chôn vào lúc "không giờ" . Chỉ vì người chết quá đông con cháu, giờ chôn không trùng vào tuổi người này. thì cũng trùng với tuổi người khác, đành phải chọn giờ hạ huyệt vào lúc 12 giờ đêm (không giờ, giờ zero)... Làm gì có lúc nào trong ngày là không thuộc vào giờ nào trong mười hai giờ tí, Ngọ...tuất, Hợi ? Nhưng họ cứ cho rằng lúc ấy đã hết giờ Hợi, nhưng chưa bắt đầu giờ Tí, đã hết ngày trước, nhưng hôm sau chưa bắt đầu. Cúng dựng nhà, phải có 3 hũ đựng đầy gạo, muối và nước, giàu thì dùng lu, khạp... nghèo thì dùng hũ nhỏ, keo chao...

mà phải đổ cho đầy, hơi vun lên càng tốt. Họ khẩn vái cầu xin cho được trong nhà các thứ ấy lúc nào cũng được đầy; đó là những thứ tượng trưng cho nhu cầu tối thiểu của con người, thiếu một trong ba thứ đó, con người khó sống; họ lại bày trên bàn thờ (cúng dựng nhà, và cả trong ngày Tết) đĩa trái cây theo công thức: Mãng cầu - Sung (cầu được sung túc); hay Mãng cầu, Dừa, Đu đủ, Xoài (cầu vừa đủ xài); đôi khi để thêm trái thơm (muốn được thơm tho), và cho đó là mâm Ngũ Quả... Người có học nhìn đó như là những hủ tục, những tin tưởng vô căn cứ, nhưng nhìn kỹ ta thấy ở đó thể hiện đến tột cùng sự đơn giản của người bình dân Nam bộ, họ không có mâm Ngũ Quả theo sách vở của người miền Bắc. Lại càng không có những thứ hoa quả du nhập như nho, lê, táo của đám trưởng giả học làm sang.

Sau tháng Tư 1975, tôi về sống hẳn ở nông thôn, sau một thời gian học tập cải tạo vì là sĩ quan biệt phái. Trong cái tệ hại đó, lại có điều may, tôi có dịp quan sát một cách trực tiếp và kỹ hơn nếp sống của người bình dân, do có điều kiện cùng sinh hoạt, cùng tham gia với họ trong cuộc sống hàng ngày rất bình dị ấy trong mọi dịp ma chay hiếu hỉ. Có nhiều điều quan sát được không thấy trong các sách vở viết về miền Nam vốn đã hiếm hoi.

Trong sinh hoạt hàng ngày, ngoài những lúc phải làm việc cật lực ngoài đồng ruộng, trừ những ngày đầu vụ, phải dọn đất cho xong để sẵn sàng cho sạ hay cấy, hay cuôi vụ, thu hoạch khi lúa vừa non hái (còn gọi là ngon hái: lúa vừa chín tới, cuống hạt lúa vẫn còn xanh), chậm thêm vài ba ngày, lúc sẽ chín rục, lúc cắt dễ bị rụng; còn thì họ làm theo buổi đứng, từ sáng sớm (khoảng 5, 6 giờ sáng) đến lúc nóng lưng (chừng 10, 11 giờ) thì về, nghỉ luôn buổi chiều. Trên đường đi làm, đập được con rắn, con chuột... bắt được con cá, con lươn... giờ là đem về làm mồi nhậu; rủ vài ba anh bạn, thêm vài con khô sặc, khô lóc, trái cóc, trái ổi... họ có thể ngồi nhậu từ xế chiều đến tối mịt, hết xị (1) này qua xị khác... bên chiếu nhậu, lúc đã rồi, họ thường lớn

tiếng triết lý những gì họ học lóm được, ai cũng muốn nói và cũng không ai muốn nghe :

Rượu uống đừng say, giữ tính thường
Tránh đường hoa nguyệt, khỏi tai ương
Đừng mê cờ bạc, còn gia sản
Giận tức mà dần, họa khỏi vơn
hay dám sửa luôn thơ cổ chữ Hán:
Bần cư náo thị, đa huynh đệ
Phú tại sơn lâm, khuyến bất lai

Tinh thần "Giữa đàng thấy chuyện bất bình mà tha" của Lục Vân Tiên thể hiện trong cuộc sống của họ bằng những hành vi xem chừng như mạnh động; họ nói thẳng, ít kiêng dè kẻ có quyền thế, và đôi khi dám chống lại những ức hiếp từ những thế lực của cường hào, ác bá. Họ thích những bài vọng cổ, những bài về ... ca ngợi tình bằng hữu, tính anh hùng, dù là của một tên cướp . Không phải ngẫu nhiên mà Đơn Hùng Tín có được chỗ đứng ở Nam bộ, tuồng Tướng Cướp Bạch Hải Đường được người dân Nam bộ ưa thích (và thuộc lòng nữa). Người dân ở nông thôn Nam bộ hầu hết đều thuộc (hay biết) đến 3 lớp xuân tình tổng tửu Đơn Hùng Tín:

Thưa Nhị ca, em đây là Giáo (2)
Trước chuyên nghề bán muối lậu, cướp bạc Vua...
và lớp nói lời trong bài vọng cổ Tàn Quỳnh (3) khóc bạn:
Nghe hung tin Nhị ca thọ tử,
Hồng Đào Sơn em quay gót trở về đây,
Kia Pháp trường cát bụi mịt mù bay,
Quân đao phủ sắp ra tay hành quyết...

Do điều kiện địa lý của miền Nam (sông ngòi, ruộng ngập nước nhiều tháng trong năm) cộng thêm đất rộng người thưa nên người nông dân ít được học

đến nơi đến chốn. Gần như một trăm phần trăm dân số nông thôn chưa qua khỏi tiểu học. Họ biết đọc, biết viết đã là may lắm rồi. Trong hoàn cảnh đó, chúng ta phải nhìn thấy rằng những giá trị về đạo đức (hoàn toàn không phải do sách vở trực tiếp mang lại) là những gì có tính cách vô cùng tương đối vì chỉ được truyền miệng từ thế hệ trước đến thế hệ sau. Không thể kỳ vọng ở người nông dân hiểu rõ những cái gọi là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín như những người có học, mặc dù người bình dân rất thích nói đến. Chúng ta cũng không thể bỏ qua vai trò của những bài cổ nhạc trong việc chuyển tải những giá trị ấy tới người bình dân. Chúng tôi cho rằng chính những lớp xuân tình, Khổng Minh tọa lâu, xàng xê, chuồn chuồn.... và nhất là bài vọng cổ, đã đóng một vai trò vô cùng tích cực trong việc đem tới cho người bình dân những giá trị có tính cách đạo đức cao như tiênh bạn, nghĩa vợ chồng, lòng nhân đạo...

Thật khó mà tưởng tượng được những bài học cứng ngắt và khô khan trong sách vở có thể thâm nhập vào tinh thần của người bình dân dễ dàng như những câu ca trong các bài vọng cổ. Xin được ghi công những nhà soạn những lớp ca cổ nhạc (thường không được biết đến nhiều như những nhạc sĩ bên tân nhạc), trong việc mang đến tận cùng hóc hẻm của xã hội miền Nam những giá trị tinh thần đó.

Một số bạn đọc gốc miền Nam hẳn biết bài vọng cổ "lòng dạ đàn bà ", bắt đầu bằng mấy câu nói lời: " Vua nước Sở một hôm lòng thanh thản, quảy cần câu đến ngồi tựa thạch bàn..." Bài ca kể chuyện một ông vua nước Sở (nào đó) nhân lúc nhàn rỗi ngồi câu, thấy có một hang cua, lúc đó cua cái đang lột vỏ, cua đực canh ở miệng hang, để vợ an toàn lột vỏ. Mấy ngày sau, đến lượt cua đực lột vỏ, cua cái chẳng những không lo cho chồng mà còn đưa tình nhân đến, nhân lúc cua đực còn yếu vì vừa lột vỏ xong, xé xác, giết chết cua đực. Nhà Vua lấy làm hiếu kỳ, không biết con người có xử sự như thế không, ông bèn cho rao truyền trong dân gian, ai có gan giết chồng, cắt

thủ cấp dâng lên, sẽ được ban thưởng nhất phẩm phu nhân, thế là không biết bao nhiêu ông chồng bị vợ giết để lãnh thưởng... Nhà vua lại ban lệnh, ai giết vợ dâng thủ cấp, sẽ được chia nửa giang sơn... song chẳng thấy ai, mãi sau, có một người nghèo quá, đến xin lãnh gươm đi giết vợ. Nhà Vua hiểu kỳ liền đi theo, về đến căn chòi mục nát, nghe tiếng vợ ru con từ trong nhà, anh ta buông gươm chịu tội vì " ai đang tâm giết chết vợ hiền" (xuống xề cuối câu 5)

Nghe xong bài ca, mọi người ai cũng cười cho lòng dạ đàn bà tham tình, tham tiền. Nhưng có một lần, một lão nông ngoài sáu mươi đã nêu ra ý: theo bài ca thì "đàn ông sống thế nào mà đàn bà ai cũng ghét, sẵn sàng giết chết, dù đó là chồng của mình; còn đàn bà đã sống trọn tình trọn nghĩa đến độ, dù người chồng vì quá nghèo đói, định giết vợ để đổi đời cũng không nỡ xuống tay giết vợ... BẠN BÈ LẠI ĐƯỢC KHÔNG?

Người ta thường cho rằng người bình dân tin dị đoan. Chuyện lên đồng lên cột, ma quỷ, thần thánh, bùa ngải.... chuyện gì cũng tin. Không ở đâu có nhiều ông Đạo, ông Thầy bằng miền Nam. Ngoài ông Đạo Dừa đã nổi tiếng ở Cần Phụng (tên một cồn trên sông Tiền, giữa Mỹ Tho và Bến Tre, ngay tại phà Rạch Miễu), ta còn gặp không biết bao nhiêu là ông Đạo; hễ có những hành vi hơi thất thường một chút, tự xưng là Đạo, là không thiếu gì người tin, ông Đạo Nước lạnh, Đạo Ót, Đạo Lết, Đạo Ngồi, Đạo Rờ, Đạo Liếm, Đạo Nằm... Thầy Mười Cắt, Thầy Tám lể, Thầy Ba Hốt, thầy Hai Đập... Mấy ông Đạo thường tự cho rằng mình có khả năng chữa bệnh, không lấy tiền, ai có hảo tâm, cúng bao nhiêu thì cúng, tiền cũng được mà trái cây, gà luộc hay heo quay gì, mấy ông Đạo đều nhận hết. Thường thì "lộc Thánh" đó cũng dư dùng. Mấy ông Thầy cũng vậy, tên gọi kèm theo thứ ở trên là do cách chữa bệnh của mấy Thầy, kèm theo các thứ bùa ngải (xin đừng kể luôn thầy giáo, thầy ký, thầy thuốc... vào đây). Bên cạnh mấy ông Đạo, ta còn gặp

mấy Cô: Cô Tư, Cô Bảy... người bình dân tin rằng hồn ma của một cô gái nào đó (thường là còn trinh) mà chết oan thường hiện về nhập vào một xác phàm nào đó, nghịch thì phá phách chơi, hiền lành nột chút thì chỉ dẫn chuyện này chuyện nọ. Chuyện dị đoan đó, nhưng khi cuộc sống còn quá đơn giản, kiến thức và lý trí không đủ để lý giải mọi hiện tượng... họ tin vào đó để tự đánh lừa, an ủi miơnh trước những việc còn là bí ẩn đối với lớp bình dân.

Tuy vậy họ không tin một cách mê muội. Ở trên có kể chuyện chôn người chết vào lúc không giờ ; nhưng cũng có quan niệm cho rằng, cứ chôn trong vòng ba ngày sau khi chết thì không cần coi lịch, họ bảo "không kiêng (thì) không thiêng", mà chuyện này không phải ít xảy ra. Một câu chuyện khác nghe được từ một bác thợ mộc già, khi được hỏi bác làm thợ mộc mà có tin vào bùa Lỗ Ban không? và có thực thợ mộc nào cũng biết bùa Lỗ Ban không? Bác chỉ cười, không trả lời thẳng vào câu hỏi, mà chỉ nói "có kiêng có thiêng " , nhưng sau đó lại kể chuyện (chuyện do thầy dạy nghề mộc cho bác kể lại): "Hồi đó, thợ mộc còn sống tập hợp thành "vạn", sau mùa ruộng, họ cùng nhau chất đồ nghề xuống ghe, kéo nhau đi làm mộc, thường họ phải dựng nhà, đóng tủ thờ, giường hộp... cho nhà giàu. Công việc thường kéo dài cả tháng, cho đến khi nào xong công chuyện, chia nhau công thợ, họ mới lui ghe, ai muốn làm tiếp thì đi nữa, ai bận công chuyện hay muốn thôi thì về. Lần đó, tốp thợ gồm đủ thợ cả, thợ phụ, học nghề... cả thầy năm bảy người đi làm xa, được một nhà giàu nọ kêu vô cất nhà. Sau khi thu xếp xong , họ bắt tay vào việc: xả cây ra ván, cột... tới bữa, được chủ lo cho ăn. Lạ thay, chủ giàu như vậy mà hà tiện hết cỡ, cơm ăn thì đủ mà thức ăn chỉ toàn là đầu cá, tịnh không thấy một khúc mình cá, dù cứ vài ngày là nghe chủ hỏi trẻ tát mương bắt cá cho thợ ăn. Ngày lại ngày qua, đã hơn tháng, chủ còn nài đóng thêm cái tủ thờ bằng danh mộc... Rồi công việc cũng xong, chỉ còn

vài hôm chờ ngày tốt để dựng nhà. Cả đám thợ bắt mẫn tính keo kiệt của chủ bàn nhau lúc dựng nhà, thợ cả sẽ ếm bùa "hình nhân tát ra" ở ngay cửa để bao nhiêu của cải vào nhà bị hai hình nhân trấn ếm tát ngược trở ra, cho chủ mệt luôn. Nói là làm, mọi việc đều tiến hành đúng như dự định. Xong việc, sau khi tính hết công thợ, thợ kiêu từ sửa soạn lui ghe thì chủ xin nán lại một chút rồi bảo trẻ khiêng mấy khạp (lu nhỏ) ở nhà sau xuống ghe, chủ bảo "mấy ông thợ đi làm, dù gì cũng có cái mà ăn no đủ, cho dù chỉ là đầu cá, vợ con của mấy ông ở nhà không có gì để ăn chỉ mong chờ ngày mấy ông đi làm về, tui có mấy khạp mắm gửi cho gia đình của mấy ông thợ. Đây là thân cá mà mấy ông ăn đầu hôm rày, tui giữ lại làm mắm biếu gia đình... mấy ông nhận lấy thảo." Thôi rồi, mấy ông thợ than thầm, mình hiểu lầm và hại ông chủ nhà giàu nhân đức này rồi. Bây giờ ếm lỡ rồi, làm sao mà gỡ đây.

Xuống ghe, ai cũng trách mình đã hồ đồ... Mấy năm sau, ông thợ cả có dịp đi ngang, chủ nhà biết mời lên tiếp đãi trọng thể, khoe từ hồi cất nhà, nhờ ân đức của thợ cả mà ông ăn nên làm ra, tiền bạc, của cải vô ào ào, chia ruộng đất cho con cháu đầy đủ mà vẫn còn. Mấy tháng trước, xuất tiền cất một cái chùa nhỏ, muốn nhấn thợ cả xuống giúp, ngặt không biết đâu mà nhấn....

Bác thợ cả lấy làm lạ, mình ếm hình nhân tát ra ở cửa, mà làm sao ông chủ lại khá được. Ngó chừng chủ không có đó, thợ bước lại gần cửa coi lại hình ếm khắc ở đó thì thấy đó là hình nhân tát vô... ". Bác thợ mặc kết luận, ở đời đức trọng, quỷ thần kinh (4)

Tinh thần không câu nệ cứng ngắc vào những lệ xưa, tích cũ là một trong những nét đặc sắc của người dân miền Nam. So với đồng bào của họ ở Bắc và Trung, tinh thần của người miền Nam thoáng hơn rất nhiều. Một phần, họ không biết nhiều vào tục lệ xưa, điển tích cũ, chỉ học lóm và dạy truyền khẩu, phần khác, đất rộng, người thưa, thiên nhiên ưu đãi, không theo nguyên tắc mà vẫn sống dễ dàng, hạt giống gieo xuống, không chăm sóc bao

nhiều, vẫn thu hoạch cuối mùa; chim trời, cá nước, thứ gì cũng dồi dào. Đạo 75, cấm chừng hai chục căn câu cấm dọc theo bờ ruộng, thăm chừng hai "giác" được cả kí lô cá, con nào trọng thì lấy, nhỏ bỏ lại. Xin nhớ rằng người nông dân miền Nam sống dọc theo các con kinh, con rạch, nên dựng nhà dài theo giòng kinh rạch, lại còn ngăn cách nhau bằng miếng vườn ba bốn công đất⁵, không quây quần thành từng làng, nhà cửa sát gần nhau như miền Bắc và Trung. Mỗi nhà là một thế giới riêng biệt nhưng lại rất rộng mở, nhà không có rào, nếu có chỉ là để trang trí, hàng xóm có thể đến nhà không phải bằng ngõ chính, cổng chính mà có thể từ bên hông hay phía sau, mà cũng chẳng ai câu nệ hay trách cứ gì chuyện ấy.

Nhân nói về sự không câu nệ của người dân Nam bộ, khi về sống ở nông thôn, tôi đã ngạc nhiên về cách tính diện tích các thửa ruộng. Người nông dân có cái nhìn rất thoáng, và chấp nhận ý niệm về sai số rất rộng. Nông dân tính diện tích đất bằng công, Một công là 1000 mét vuông, bằng một phần mười của mẫu. Nếu công đất có hình vuông thì mỗi cạnh là 31.623, nhưng nếu dùng mét để đo thì thật là bất tiện. Nông dân dùng tầm (có lẽ từ chữ tầm vòng, một loại tre, thẳng, cứng mà người nông dân thường dùng để làm tầm) làm đơn vị chiều dài và qui ước một công đất bằng 144 tầm vuông, nghĩa là nếu miếng đất hình vuông thì mỗi cạnh là 12 tầm. Như vậy một tầm bằng 2.635 m (hai mét, sáu tấc, ba phân, năm li).

Ai ở không mà chính xác như vậy? nông dân dùng tầm có chiều dài 2.6 m.

Đến đây có hai chuyện:

(1) miếng đất hình chữ nhật thì một công có hai cạnh nhân nhau gần bằng 144, thí dụ:

dài ngắn diện tích

24 6 144

23 6 138

22 6.5 143

21 7 147

20 7 140

....

14 10 140

13 11 143

(2) miếng đất là hình 4 cạnh nào đó (không phải chữ nhật, hình thang chẳng hạn), nông dân đo giữa ruộng theo đúng qui tắc trung bình cộng.

Tuy vậy, trở về trước, lúc nông dân miền Nam chưa có tập quán sạ lúa như về sau khi làm thân nông (lúa ngắn ngày). Họ còn làm lúa mùa (lúa chín vào khoảng trước hay sau Tết Âm lịch; nông dân gieo mạ cuối tháng 4, cấy dặm đầu tháng 6, cấy thật tháng 8, tính theo âm lịch) thời họ dùng tầm có chiều dài rất tùy tiện, từ 2.5m đến 2.7m, có nơi (vùng Bạc Liêu, Châu Đốc) dùng tầm dài đến 3m. Thành thử diện tích chênh lệch rất nhiều, nhưng có một điều rất công bằng là người cấy lúa có qui định riêng của họ: nếu cấy dặm (còn gọi là cấy mạ) họ chỉ cấy tối đa 10 bụi lúa/ 1 tầm, và cấy thật (6) (còn gọi là cấy lúa) họ chỉ cấy 8 bụi/1 tầm, do đó khoảng cách giữa hai bụi lúa lớn hay nhỏ tùy thuộc vào kích thước của tầm chủ ruộng dùng. Thành ra số động tác cấy trên một công đất là như nhau cho dù diện tích của công đất có lớn hơn do dùng tầm dài hơn. Nếu chủ đất muốn cấy nhiều bụi lúa hơn, tiền công phải trả cho người cấy cao hơn. Chúng ta thấy ngay sự hợp lý và công bình của người nông dân trong sinh hoạt trên đồng ruộng của họ.

Cả chủ đất và người làm mướn đều chấp nhận các qui ước này, cho dù thửa 23x6 là nhỏ nhất (138 tầm vuông) và thửa 21x7 là lớn nhất (147 tầm vuông). Người bình dân có sẵn máu hài hước trong người, cái gì cũng đùa được và chính vì vậy chuyện tiêu lâm thường phát triển trong giới bình dân nhiều

hơn và dễ hơn trong lớp có học thức. Chuyện tiểu lâm hầu hết là tục, có lẽ vì vậy mà người có học khó nói chuyện tiểu lâm một cách thoải mái. Người bình dân (cả nam lẫn nữ) thì khác, họ cũng biết đó là những chuyện tục. nhưng họ không coi đó là quan trọng, cái chính là chuyện có gây cười dễ dàng không, có hấp dẫn người nghe không... không thiếu gì trường hợp một người kể chuyện tiểu lâm ai cũng biết mà vẫn hấp dẫn người nghe.

Cũng tính hài hước cởi mở đó mà người bình dân có những cách nói rất đơn giản và bất ngờ khiến người nghe nhiều khi bị bối rối vì chưa kịp hiểu hết ý của đối phương. Ở trên, ta đã thấy mấy anh nhậu sửa thơ cổ: bản cư nào thị..., ở đây xin kể một chuyện khác: Sau một chầu nhậu, anh nào cũng đã ngà ngà say. Một anh xin không uống nữa. mọi người còn lại đồng ý và xác nhận là không uống nữa, họ rót nguyên ly bắt uống vì đã giao kết là không uống nữa, chỉ uống nguyên mà thôi... cái gây hiểu lầm ở đây là trong cách phát âm của người miền Nam, hoàn toàn không có sự phân biệt giữa *nhữ* và *nữ*.

Một tập quán khác của người nông dân là ăn nhậu bất cứ dịp nào. Đầy tháng, thôi nôi, giỗ chạp, dựng nhà, cưới hỏi, ma chay, xuống giống, thu hoạch... dịp nào cũng nhậu, lúc nào cũng nhậu. Mà đã nhậu là phải tới chỉ, chưa đã chưa thôi. Chủ nhà hết rượu? khách lần lượt mua thêm; thiếu mời nhậu? trái mận, trái cóc, có khi ngay cả trái ớt cũng là mời để nhậu tiếp. Không biết đây là tập quán tốt hay xấu ! Người trưởng giả, có học ở thành phố, thường không chịu được, cho đó là hủ tục, nhưng nhập giang tùy khúc, nhập gia tùy tục, sống ở nông thôn mà không nhậu với họ là họ coi mình là người xa lạ ngay, và họ khi dễ ra mặt, rất khó sống. Tuy vậy chúng ta cũng không vội kết luận đó là hủ tục cần phải bài trừ. Tôi cho rằng nó có lý do của nó.

Câu hỏi đặt ra là tại sao nông thôn ở miền Bắc và miền Trung không có tập quán này? Miền Bắc có những lúc nhậu lu bù, nhưng đó là những lúc cúng

đình, phật vạ, hay tiệc khao mua chức tước thời trước như thấy trong các tiểu thuyết của Nam Cao, Nguyên Hồng..., đó là những cơ hội nhậu "chùa", có người đãi thọ. Miền Trung không thấy những cảnh nhậu lu bù như vậy, ngoại trừ người tổ chức muốn nhận được cái giờ đó qua sự mua chuộc bằng tiệc rượu. Lớp trưởng giả ở thành thị miền Nam cũng thế. Chỉ riêng ở giới bình dân của miền Nam là nhậu lu bù. Chúng ta có thể giải thích hiện tượng này thế nào? Chính cuộc sống tương đối thừa mứa của miền Nam, thiên nhiên quá ưu đãi, làm chơi, ăn thiệt, thì giờ rảnh rỗi quá nhiều đã tạo nên hiện tượng trên. Nhưng nếu chỉ dựa vào những yếu tố đó, tôi nghĩ cũng chưa đủ vì tập quán này không phải chỉ có ở những người dư thừa mà gần như có ở tất cả mọi người, kể cả những người nghèo rớt mùng tơi. Một trong những yếu tố mà tôi cho là cốt lõi là điều kiện sinh hoạt của những người tiên phong vào khai phá đất Nam Bộ. Đi ngược thời gian chừng ba bốn trăm năm về trước, khi người Việt bắt đầu tiến sâu vào vùng đồng bằng Cửu long. Những vùng đất giồng cao ráo đã có người Miên sinh sống. Những người tiên phong ấy đã không có chọn lựa nào khác là tìm những gò đất tương đối cao, cạnh bờ sông, ngọn nước đắp nền cát nhà. Trong tình trạng đó, người Việt không có điều kiện quần cư, dù đó là một trong những nếp văn hóa của người Việt ở Bắc và Trung Việt Nam. Người này phải cát nhà cách xa người kia, có khi cả một tầm hú (7) . Và lại đất rộng quá, người Miên chỉ khai thác quanh sóc (8) của họ, đất bỏ hoang còn lu bù, ai có sức bao nhiêu, khai thác bấy nhiêu, tội gì phải sống quá gần, lâu ngày thế nào cũng có đụng chạm, chỉ vì mấy con gà con vịt, con heo con trâu... Trong hoàn cảnh đó, những lúc có việc quan hôn tang tế, đắp nền, dựng nhà... kể cả việc gieo cấy gặt hái, những người gọi là hàng xóm đó đến với nhau bằng tinh thần tương trợ. Họ phải mất khoảng một khắc hay nửa giờ để đến với nhau, có khi phải bơi xuống qua vài con kinh, rạch... Gia chủ làm cơm mời,

có gì ăn nấy, nhưng trước hết cũng sương sương ba sợi gọi là thân tình, rượu thì nông dân có sẵn nguyên vật liệu (chỉ cần nếp hay gạo và men) để nấu.

Lâu dần, trở thành thói quen, không có coi không được, chủ và khách coi đó như là chuyện dĩ nhiên, và họ ăn nhậu một cách tự nhiên, không khách sáo...

Sau 1975, không thiếu gì trường hợp một cán bộ đảng viên, trưởng công an xã ngồi nhậu thoải mái với một sĩ quan miền Nam sau khi học tập về sống trong xã. Rõ ràng đây là nét hoàn toàn đặc thù của nông dân miền Nam.

Người Việt ở miền Bắc hay miền Trung không có điều kiện này nên tập quán đó đã không nảy sinh. Đó cũng dễ cắt nghĩa tại sao ở vùng đồng bằng Nam bộ, làng của người Việt không có lũy tre bao quanh như ngoài Bắc hay Trung (9), mặc dù tre là loại cây rất gần gũi trong cuộc sống của người Việt, hầu hết vật dụng trong nhà đều được làm bằng tre, trúc...

Cũng vậy, người bình dân miền Nam thường mở rộng vòng tay để đón nhận người xa xứ đến lập nghiệp, điều kiện địa dư quá dễ dàng. Và lại, có thêm người là có thêm sức mạnh trong việc khai phá và đương đầu với người Miên, cư dân lâu đời trên đồng bằng Cửu Long.

Rồng châu ngoài Huế,

Ngựa tể Đồng Nai,

Nước sông trong chảy lộn sông ngoài

Thương người xa xứ lạc loài tới đây.

Tới đây thi ở lại đây,

Chùng nào bén rễ xanh cây rồi về.

Dân số ngày càng đông, văn hóa pha trộn ngày càng nhiều. Không ở đâu, trên giải đất Việt Nam chúng ta, mà có sự pha trộn văn hóa nhiều như ở miền Nam. Không phải chỉ là sự pha trộn những nét văn hóa thuộc các vùng khác nhau trong nước mà cả đến những văn hóa du nhập từ ngoài như Pháp, Hoa, Miên. Tất cả đều được chấp nhận, pha trộn, hấp thụ không kỳ thị...

Con người cũng vậy. Dân cố cựu, kẻ ngụ cư có phân biệt chẳng là qua giọng nói, cách sống, nhưng chỉ sau vài ba đời thì chẳng còn phân biệt ai với ai. Có người Việt trong Nam nào mà gốc gác của họ không là ngoài Bắc hay Trung? Nhưng sức sống của người trong Nam mạnh đến nỗi, chỉ sau vài ba thế hệ là họ đã cho rằng mình là dân Nam kỳ chính cống. Mà có cần gì đến vài ba thế hệ? Năm 1954 hơn một triệu đồng bào ngoài Bắc di cư vào Nam, nếu họ sống lẫn với người miền Nam thì chỉ cần một thế hệ: lớp con của họ đã nói bằng giọng miền Nam rồi, và cũng mê nghe vọng cổ, cải lương như những dân Nam kỳ cố cựu khác.

Nét độc đáo của người miền Nam là tiếp nhận và chế biến (hay cải biến), họ không coi nặng cái gọi là "truyền thống". Hủ tiếu là của người Tàu, thế nhưng hủ tiếu tôm cua của Mỹ Tho hoàn toàn có hương và vị khác, mà ngay cả hủ tiếu Nam Vang ở trong Nam cũng không giống với hủ tiếu Nam Vang bên xứ Chùa Tháp. Bánh khoai (hay bánh khọt?) của Huế và bánh xèo trong Nam thoạt nhìn thì giống nhau, nhưng thật ra khác nhau từ hình dạng, nước chấm và rau ăn kèm, do đó có hương vị khác nhau; Bún bò Huế và bún bò giò heo ở Sài Gòn giống nhau hay khác nhau; bánh khọt trong Nam có xuất xứ từ bánh căn của vùng Tam Phan, nhưng hương vị và phẩm chất đều khác? Phở ngoài Bắc, nguyên thủy là phở bò, vào trong Nam có thêm phở gà, ăn với rau, giá sống. Ngay cả đến món bánh mì thịt nguội của tây phương cũng đã biến đổi dần thành ổ bánh mì thịt gọn gàng và đơn giản... Cả món cà ri của Ấn cũng được chế biến và đi sâu vào quần chúng, thôi thì đủ thứ cà ri: gà, vịt, rùa, rắn, cua đinh, dê, chó... ăn với bún cũng được, mà ăn với cơm cũng ngon, nhậu cũng thích. Thịt chó ngoài Bắc nghe nói nhiều đến rựa mận, xáo, dôi... vào trong Nam, phối hợp với ngũ vị hương của Tàu, cà ri của Ấn, nước dừa đặc sản của miền Nam, thịt chó trở thành phong phú, hấp dẫn. Đó là chưa nói đến những thứ bánh: khởi đầu là những biến đổi về

hình dạng từ bánh chưng (Bắc) thành bánh tét (Trung và Nam) rồi chế thêm (hay bắt chước người Miên) thành bánh tét nhun (nhân) chuối hay bánh đậu (đậu đen trộn với nếp, nước cốt dừa, bó lại như bánh tét nhưng nhỏ hơn nhiều, gói bằng lá dừa nước, không có nhân thịt mỡ bên trong); từ bánh ít qua bánh ít trần ăn với nước cốt dừa; từ bánh bò qua bánh bò bông, bánh bò nướng... Rồi hầu như món chè nào trong Nam cũng có thêm nước cốt dừa, thậm chí món cốm dẹp của người Miên cũng được chế biến trộn với nước dừa, ăn vừa ngon, vừa đậm đà... Nữ công gia chánh vùng đất nằm từ bên này sông Tiền qua bên kia sông Hậu gồm các tỉnh Định Tường (Mỹ Tho), Kiến Hòa (Bến Tre), Vĩnh Long, Sa Đéc, Long Xuyên, Cần Thơ đã chẳng nổi danh khắp nước đó sao.

Miền Nam, vẫn còn là vùng đất chưa được khai phá đúng mức. Nhận xét này đúng theo hướng nhìn kinh tế, địa dư, nhân sự... Nhưng nhìn về những khảo cứu về miền Nam, ta cũng có cảm giác tương tự. Những công trình biên khảo về miền Nam còn quá ít. Bài này chỉ là một đóng góp nhỏ nhoi những quan sát được qua thực tế, trong khoảng thời gian mười lăm năm sống chung đụng với người nông dân chơn chất, ít học nhưng tốt bụng và cởi mở .

Tháng 4-2002

Hòa Đa

- (1) - Do tên gọi chai "xá xị con cạp", dung tích 250ml, rất thông dụng ở miền Nam từ trước
- (2) - Trình Giảo Kim, một trong Ngũ Hồ trong chuyện Tàu
- (3) - Một trong Ngũ Hồ nói trên
- (4) - Đức lớn, quỷ thần cũng sợ
- (5) - Một công đất (theo tiêu chuẩn) bằng 1000 mét vuông, một phần mười của mẫu tây, khác với sào (360 mét vuông, một phần mười của mẫu ta) ngoài Bắc.

(6) - Cây dăm (hay cây giã) là cây từ mạ, sau chừng hai tháng, nông dân lại bứng cây lúa đã cấy dăm lúc trước để cấy thật. Lần này thì để luôn. Làm như vậy tiết kiệm được rất nhiều mạ và chỉ áp dụng cho các loại lúa mùa.

(7) - Khoảng cách để một tiếng hú lớn có thể nghe được, khoảng chừng 500m

(8) - Làng của người Miên.

(9) - Trái lại, nhiều sóc (làng) của người Miên lại có lũy tre chung quanh

Hòa Đa

Sanh Rốt

Thời gian gặp lại vợ con, sau khi học cải tạo cũng qua mau

Ngày tháng cứ dần trôi mà tôi không biết phải làm gì hơn là cứ quanh quẩn trông chừng hai đứa nhỏ, giúp vợ rảnh tay ngược xuôi, mua đầu chợ bán cuối chợ, kiếm sống qua ngày. Cũng có lúc tôi thử bán buôn như vợ, nhưng có lẽ do bản tính thầy giáo nên không thích ứng được với sinh hoạt chụp giựt, mua đắt bán rẻ, lúc nào cũng phải nói láo để kiếm lời. Hồng cũng cố gắng tạo điều kiện để tôi không phải làm những việc xem chừng không mấy thích hợp với tính khí của tôi... Rồi tôi cũng được một thằng bạn giúp tìm đồ nghề vá xe đạp cạnh lề đường; những lúc đó, Hồng ở nhà trông chừng con hay gửi con hàng xóm, học trò cũ... để chạy hàng. Cuộc sống mới sao mà thê lương ảm đạm đến thế!

Một buổi chiều, Hồng về nhà trông có vẻ mệt mỏi và lo lắng:

- Sáu Thủy mới gặp em nói, nhà mình có tên trong danh sách đi kinh tế mới, danh sách chỉ gồm những hộ ngụ quân ngụ quyền và mấy hộ có vấn đề về xã hội. Ý này do bà Sáu Xê bên Mặt Trận đưa ra, bà ấy nói là anh là sĩ quan ngụ không có việc làm, em chỉ buôn bán tạp chủ yếu làm trung gian kiếm lời, không trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất hay tinh thần gì, nhà lại mướn ngay trước mặt cơ quan của Thị Xã Ủy... Sáu Thủy với tư cách Phụ Nữ Phường có biện hộ cho mình: anh mới học cải tạo về, đã góp đơn với Ty Giáo Dục, hiện đang chờ cứu xét... nhưng Sáu Thủy cũng cho biết xem chừng ý kiến của chỉ không thuyết phục được ủy ban. Chị ấy nói mình nên tính trước, nếu có thể, tìm cách về nông thôn gần đây, hơn là ngồi chờ bị đưa đi kinh tế mới. Anh tính sao?

- Anh cũng không biết tính sao nữa, có lẽ như thế thì hơn. Với lý lịch của anh, với hai thằng em sĩ quan ngụ, một nhảy dù, một thầy quân lục chiến, anh chẳng mong gì đơn xin dạy lại được chấp thuận. Nhưng mà đi đâu bây giờ, mình đâu còn vốn liếng hay tiền bạc gì!

- Em vẫn còn giữ mớ nữ trang cưới, hồi đó túng mấy em cũng không dám bán, bây giờ cùng lắm mình bán lấy tiền mua đất. Chớ nếu đi kinh tế mới, lần hồi rồi cũng tiêu luôn... Hai con còn nhỏ, đi kinh tế mới, rừng sâu nước độc... rồi còn chuyện học hành, không lẽ anh định để tụi nó không đi học?

- Anh không biết gì về ruộng nương, cũng không quen biết ai có thể giúp mình, không biết phải làm sao đây...

Vài tuần sau, Hồng báo tin:

- Mấy hôm trước, em gặp thím Mười, Má của Hồng Thu, học trò anh, ở ngoài chợ. Thấy em buồn buồn, thím hỏi thăm, em cũng kể thiệt hoàn cảnh của mình... Hôm nay thím gặp lại em, nói có kể chuyện mình cho chú Mười nghe. Chú nói, ruộng của chú hiến cho nhà nước mấy tháng trước rồi, không còn để chia cho mình nữa, nhưng anh của chú thì còn, chú nói anh thu xếp,

chú dẫn gặp anh của chú và chỉ cho cách làm giấy tờ nhượng com xẻ áo, bây giờ ruộng đất do nhà nước quản lý, đâu có ai buôn bán gì được.

- Có xa lắm không?

- Không, ở trong Phước Trinh, gần đây thôi, chú Mười vẫn sáng đi chiều về để làm ruộng. thím Mười nói, thà như vậy còn hơn đi kinh tế mới.

*

* *

Và như vậy, với hơn lượng vàng mười tám nữ trang cưới, tôi đổi được bốn công ruộng gò, cỏ năng và lát mọc tốt hơn lúa, gia đình tôi bắt đầu cuộc sống của một nông dân. từ cuối năm một chín bảy bảy.

Ngày ra xã ký giấy tờ chứng nhận nhượng com xẻ áo và giao nữ trang, Chú Sáu, anh chú Mười nói an ủi tôi: "Thầy giáo đừng buồn, cháu tui học thầy cũng như con tui học thầy, tui nói chỉ một lời, ngày nào thầy giáo không làm ruộng nữa, trả đất lại tui, tui quờn tiền lại cho thầy, cứ căng theo giá lúa bây giờ và lúc đó mà tính. Có em tui đây làm chứng, tui nói là chắc mà thôi".

Chỉ có thế, không giấy tờ sang nhượng, cũng không có một tờ giấy nào làm bằng ngoài tờ đơn nhượng com xẻ áo của chủ đất và lời chứng nhận của xã. Tôi không có lựa chọn nào khác.

Mấy người bạn, cũng là giáo chức biệt phái, cùng đi học tập cải tạo, bỏ hai ngày công để phụ đào mương lấy đất đắp nền nhà. Ngày khởi công, anh Chất hỏi sao không cúng động thổ, anh Bá cười nói: "Biểu thẳng Thạnh cúng cũng như không, nó có thể chiều ý mà cúng, nhưng nó không tin đâu!" Anh Đạt bắt ngừng lại, chạy đi một lúc quay lại với vài cái bánh bơ, mấy điều thuốc và vài cây nhang. Anh nói: "Đất có Thổ Công, sông có Hà Bá, đừng có làm vậy. Không thấy lợi gì thì trước mắt cũng không hại ai. Thạnh,

thấp nhang lên rồi khẩn đi"...

Ngày lại ngày qua, tôi tập sống, ăn nói và hành xử giống một nông dân. Nhưng giữa tôi và người địa phương vẫn có ít nhiều khác biệt, mặc dù họ không có ý gì đối xử phân biệt. Có hay chăng là trong mấy buổi nhậu, tôi vốn không uống được rượu; bia uống một chai đã say, nói chỉ đến rượu đế, thứ rượu không còn được nấu với gạo hay nếp như xưa mà được nấu bằng bột đường. Những ngày đầu ra ruộng, tôi còn chưa phân biệt được cỏ chát và lúa, học dần từng chút với người địa phương, bắt đầu từ những điều sơ đẳng nhất, như trẻ con mới lần đầu học vắn. Mà trong công việc đồng áng, tôi nào có khác trẻ mới học vắn? Cũng kể từ lúc ấy, tôi có một tên mới "Năm thầy giáo".

Vụ lúa đầu tiên, hè thu bảy mươi tám, tôi thu hoạch được hơn một gạ lúa trên một công ruộng làm thử, sau khi bỏ ra hai gạ giống, một gạ ngâm không lên, và một gạ bị nước chụp sau khi sạ chừng bốn năm ngày, không kể tiền công trâu. Bà con qua lại, nhìn tôi lắc đầu ái ngại...Thời gian này, Hồng đang có thai.

Đất xấu, không chỗ làm mạ, tôi quyết định sạ lúa mùa. Ba công đất, sạ một gạ lúa "rẫy xe", một loại lúa hạt tròn, khô cơm, nhưng chịu hạn, chịu úng giỏi. Tháng bảy tháng tám trời hạn, khí tượng nhà nước tiên đoán "năm nay hạn kéo dài, do mực nước sông Tiền đo được ở Tân Châu, và mực nước sông Hậu đo được ở Châu Đốc xuống thấp hơn mức bình thường..." Bước qua tháng chín âm lịch, trời đổ mưa, mưa bù cho mấy tháng trước bị hạn. Nước không rút được ra sông cái vì nước sông Cửu Long đang đổ về, dồn ú trong ruộng. Tôi nhớ lại lời của bác Sáu Liễn nói tháng trước : "Năm nay không khéo bị lụt a, thầy giáo - Sao bác biết? - Hôm trước phát cỏ bờ, qua thấy ổ ong đất đóng lưng chừng nhánh cỏ tranh, thứ ong này bao giờ cũng đóng ổ sát mặt đất, chỗ gốc tranh, nó đóng trên cao là có chuyện...trời

phú cho con vật có tánh linh hay lắm thầy giáo à..." Lúa mới cấy chưa bén được đất, bị nước chụp đầu. Nước, nước nhiều quá, nước cũ chưa rút, mưa lại trút thêm nước, đứng dưới ruộng, nước ngang vai, có chỗ, ngập lút đầu, ruộng lúa biến thành biển nước mênh mông, lúa cấy chưa kịp bén rễ, nổi lên, gió thổi tấp vào bờ đai từng về... tôi nhìn ruộng nước mênh mông mà lắc đầu chán ngán, chuyến này chắc lại trắng tay. Mưa gió thế này, chỉ có nước ngồi khoanh tay ngó trời ngó nước. Hôm nào không mưa dầm. liều mạng vượt hơn hai cây số đường ruộng ngập nước ra thị xã chạy xe đạp ôm kiếm com... còn biết làm gì hơn ?

Tháng mười âm lịch, trời vẫn còn mưa. Thường năm, tháng này là tháng nước nổi ở Vĩnh Long, Mỹ Tho. Nước sông Cửu Long đang kéo về, đổ ra biển không kịp, khựng lại, cộng thêm nước ú trong đồng mấy tháng trước dồn ra, nước bắt đầu tràn lên bờ. Miệt Cái Bè, Cai Lậy, nhà cửa, vườn tược nhô lên trên biển nước như những ốc đảo; quốc lộ 4 có đoạn chìm dưới mực nước, giao thông bị gián đoạn, dân chúng tìm chỗ cao, kể cả dõc cầu, cất chòi tạm trú. Cả vựa lúa của đồng bằng Cửu Long bị ngập úng, mất mùa, chỉ còn vùng Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Minh Hải là nằm ngoài vùng thiên tai. Người ta rủ nhau xuống đó làm thuê kiếm sống, người ta mang lư hương, chân đèn, tử thờ, đi vãng, giường hộp... những thứ có giá do bao đời chất chiu dành dụm được mang xuống đó, đổi lúa gạo mang về. Mà có đi được dễ dàng, xuôi lợt đâu! Chính sách ngăn sông cấm chợ của nhà nước gây ra không biết bao nhiêu là thảm cảnh. Bảy Nhiêu mang bộ lư và chân đèn xuống Minh Hải đổi được mười giạ lúa và hơn nửa giạ gạo ăn đường; đem đi, ngày kiếm lùm liềm bụi lủi vô trôn, vậy mà về tới Giáp Nước, chỉ còn cách nhà nửa ngày đường, anh bị đám công an kinh tế chạy ghe gấn máy đuôi tôm bắt được, tịch thu hết. Anh năn ni gảy lưỡi không ăn thua gì, giận mất khôn, chưởi thề vài tiếng, bị bắt nhốt luôn thêm ba bữa nữa, bỏ thẳng

con sống lêu bêu trên ghe không tiền không gạo...Chuyện của Bảy Nhiêu chỉ là một trong nhiều chuyện bi thảm đó.

Hai ngày rồi, trời cứ mưa, mưa hoài. Nhà hết gạo mà tôi cũng không có cách nào đi ra ngoài để chạy xe kiếm tiền được. Buổi chiều, hai vợ chồng lại gấu ó với nhau. Hồng với bụng chửa vượt mặt, nằm trong giường khóc tằm tức. Hai đứa nhỏ, thấy cha mẹ cãi cọ, sợ hãi ôm nhau ngủ trong góc; hồi chiều, cả nhà ăn bo bo thay cơm vì không còn gạo. Tôi nằm trên võng, tằm chần rách đắp hờ ngang bụng, nghĩ lan man hết chuyện này đến chuyện khác, thấy mình quá vô dụng: chèo chống không giỏi, cày bừa không thông, sức lực có hạn... có chăng là một tên gọi đầy mỉa mai: thầy giáo và một văn bằng đại học không có khả năng kiếm ra được nắm gạo cho gia đình. Bao năm học hành bây giờ lại sống nhờ vào sức đạp xe đưa khách kiếm tiền mua gạo. Tôi giận mình bất lực, tôi giận xã hội đổi thay, tôi giận luôn tính lương thiện và sĩ khí không hợp thời của mình... phải chi mình ngu dốt một chút, phải chi mình láu cá một chút, gian manh một chút, liều lĩnh một chút, ti tiện một chút... cứ lan man, lan man nuy nghĩ, tôi chìm vào giấc ngủ lúc nào không hay.

Chợt chiếc võng lắc nhẹ, tiếng Hồng qua tiếng thờ gấp:

- Dậy đi anh, em đau bụng quá, chắc sắp sanh, anh dậy đưa em đi nhà thương. Đồ đạc em gói sẵn hết trong túi này rồi.

Mưa vẫn còn rót hột, tôi với tay khêu lớn ngọn đèn dầu, nhìn đồng hồ trên bàn, nói một câu vô duyên:

- Trời đất, mới hơn mười giờ hè, giờ này ra đường chắc gì đón được xe, em ráng tới mai được không?

- Không được đâu anh, đau đẻ chớ phải đau gì đâu mà anh kêu nhin. Nếu nó giống hai thằng anh nó thì chắc phải vài giờ nữa mới sanh. Ra tới đường,

chắc xe lôi cũng bắt đầu chạy rồi.

- Đường trơn lắm, em đi có được không?

Tuy nói vậy, tôi vẫn ngồi ngay dậy, lấy áo mưa cho Hồng và choàng vội tấm ny lông. Lay hai đứa nhỏ dậy, tôi bảo thằng lớn, lúc đó mới lên năm:

- Ba đưa mẹ đi nhà thương sanh em bé, con đóng cửa lại ngủ, coi chừng em, sáng sớm mai ba về, đừng có sợ!

Tay trái xách gói đồ đi sanh mà Hồng đã sửa soạn từ trước (gồm mấy bộ quần áo và tả lót còn sót lại của mấy đứa trước và vài bộ đồ của Hồng), tay phải cầm đèn đưa ra phía sau cho Hồng vịn, hai vợ chồng dò từng bước chân vì đường đầy bùn trơn trong tiếng thở mệt nhọc của sản phụ. Cứ đi chừng hơn mười thước phải ngừng lại cho Hồng thở... Tôi lo ngại nói:

- Kiểu này, anh không chắc em ra được đến ngoài đường lộ, hay là mình quay về, anh chạy vào xóm kêu cô Hà ra giúp.

- Không sao, em ráng được mà, đi tiếp đi anh, chưa chắc cô Hà có ở nhà đâu.

Cô Hà là một cô mục ngoài thị xã. Giải phóng vô, bảo sinh viện tư chỗ cô làm bị đóng cửa, chồng cô Hà là Hải quân trung úy, đang học tập cải tạo, cô không được bố trí công tác lại ở nhà thương lớn, nên cũng đành đi đi về về, bán trốn mua chui mà sống...

Ấy vậy mà hai vợ chồng cũng dìu nhau được ra tới nền bót, chỉ còn vượt qua chiếc cầu khi này và chừng vài trăm thước đường ruộng nữa là tới đường lộ. Mưa cũng đã tạnh, tôi nói với Hồng:

- Em đứng nghỉ, đợi anh mang túi quần áo qua bên kia rồi trở lại đón em qua.

Mây thấp, trời tối đen, chỉ có ánh đèn dầu tôi đang cầm lắc lư, le lói, vài tiếng chó sủa vọng lại từ xóm... mọi người đang say giấc ngủ trong cái thời tiết ẩm ướt quái này. Tôi để gói đồ và đèn lồng trên một mô đất rồi mò mẫm trong bóng tối quay trở lại đón Hồng, được phần ba cầu thì nghe

tiếng thở phì phò của Hồng lần mò qua cầu. Chiếc cầu khỉ này, ban ngày đi còn run chân, vậy mà người đàn bà khốn khổ gần kiệt sức đó vượt qua được.

Hai vợ chồng lại lần mò dìu nhau đi trong bóng tối...

Chợt Hồng rên rỉ, ngồi sụp xuống vệ cỏ, dựa lưng vào gốc xoài bên đường, nức nở:

- Em chết mất anh ơi, bọc nước bể rồi, em không còn đi được nữa, chắc em phải sanh rớt ở đây quá.

Tôi thật sự kinh hoàng khi nghe Hồng nói câu đó. Phản xạ tự nhiên, tôi bật dậy, chạy ngược lại xóm cạnh bờ sông, kêu cứu:

- Thím chín ơi, thím tám ơi, có ai ở đây không, cứu giùm vợ tôi với. Bớ bà con cô bác ơi, có ai ở nhà không, cứu giùm vợ tôi với.

Cửa ngõ nhà Chín Thắng đóng chặt, nhà xa cửa ngõ quá, tôi không chắc trong nhà nghe tiếng tôi kêu cứu... Giọng tôi lạc đi, tôi chạy cuống quýt, bắt chấp bờ bụi, tắm tối... Tôi càn đái xuống sông, bơi sang bờ bên kia, như vậy còn nhanh hơn phải qua cái cầu khỉ lung lay kia... Tôi trườn mình trên bãi bùn, ào lên bờ, đập cửa nhà chú tám Liễu:

- Chú Tám, thím tám ơi, có nhà không, làm ơn cứu giùm vợ cháu với!

- Thầy giáo hả? chuyện gì vậy?

- Vợ cháu đau bụng đẻ, tính đi nhà thương - giọng tôi run rẩy vì lạnh và sợ - không dè đến đây nước ối bị bể rồi, đi không kịp, chú thím giúp giùm nhờ thằng Hai con chú chèo ghe chở giùm vợ cháu ra y tế xã...

Tiếng mở cửa lịch kịch, thím tám bước ra:

- Khổ gì mà khổ dữ vậy, cô giáo đang ở đâu? Thằng Hai lấy ghe đi Minh Hải hai ngày nay rồi

- Dạ, qua bên kia sông rồi.

Bác Tư Thuận, anh chú Tám Liễu cũng bước ra:

- Năm thầy giáo lấy xuống của tao chở nó ra xã mau, mưa gió thế này, dè

ngoài đường, chết mất.

Tiếng Hai Câu, con trai chú nói vọng từ trong nhà ra cửa:

- Không được đâu, tía! cổ mà để rớt trên xuống, tui quăng xuống luôn, làm ăn gì được nữa? - Thầy giáo thông cảm, xuống tui đi giảng câu kiếm sống đó. hay là thầy chạy xuống chú Tám Lính mượn xuống nhỏ của chú, xuống ổng để làm chun đi trong mùa nước nổi, không có làm ăn gì đâu!
 - Bây giờ đi ra xã cũng không kịp, thím tám nói chen vào, mà chắc gì y tá có ở đó, mưa gió đêm hôm thế này, đâu có ai ở đó! bọc nước bể rồi, nó sanh bây giờ, thầy giáo chạy xuống kêu bà Ba Thợ mộc, ngày trước bà là mụ vườn đó, mau đi chứ không kịp, tui với chị tư qua đó trước, cổ nằm chỗ nào?
 - Dạ, cạnh gốc xoài ở cuối vườn bà Tư Thỏ
- Nói xong, tôi lập cập chạy xuống nhà bà Ba Thợ mộc...

Lúc tôi đâm được xuống vào bờ, tóm vội dây xuống vào cọc chiếc cầu khỉ nền bót, nhảy lên bờ thì đã thấy ánh của năm ba chiếc đèn lồng chỗ Hồng ngời và tiếng cười nói lao xao của mấy bà. Tôi hỏi lớn:

- Sao rồi thím Tám?
- Cổ sanh rồi, thầy giáo ơi, con gái...

Nổi một nhọc tan biến gần như tức khắc, tôi hỏi tiếp:

- Nhau ra chưa?
- Chưa, tiếng bà Ba Thợ mộc, để đó tao lo, chút xíu nữa là xong...

Tôi đi lần tới, không còn cảm thấy lo sợ, mệt nhọc, lạnh lẽo. Tiếng Hai Đông:

- Thầy giáo, nghe mấy bà lao xao, tui ra coi thử... vợ tui phụ với mấy bà ở đẳng, lúc nghe thím tám la "con nhỏ xô rồi", tui coi đồng hồ, nó lợt lòng lúc 1 giờ 57 sáng, tui chờ để nói cho thầy hay!
- Ô, cảm ơn anh hai nhiều lắm.

- Tội mình mà, tui cũng như thầy giáo thôi, ơn nghĩa gì mà thầy nói. Mình đàn ông, lại đó không tiện, ngồi đây chờ coi có gì tiếp cứu.

Nhau ra rồi! Cầm lá nhau trơn tuột, tôi quan sát kỹ dưới ánh đèn dầu, nhau tróc đều...tôi yên tâm. Những năm tháng biến động của Mậu Thân ngày trước, một lần trực phòng y tế của trạm tiếp cư nạn nhân chiến tranh với một sinh viên y khoa, tôi đã phẫu làm phụ tá bắt đết dĩ trong một ca đẻ tại trại vì giới nghiêm toàn thành phố, không có cách gì chở sản phụ đi nhà thương được; anh bạn y khoa đã chỉ cho tôi coi hình dạng và tình trạng lá nhau của sản phụ để có thể đoán coi nhau còn sót hay không.

- Bây giờ êm rồi, tiếng thím Chín Thắng, thầy giáo phụ đưa cỗ xuống xuống.

- Nếu không còn gì nguy hiểm cháu muốn đưa vợ cháu về nhà, còn hai đứa nhỏ ở nhà một mình...

- Vậy thì mau lên, bà Ba Thợ mộc nói, để lâu quá không nên, về lẹ kiếm củi đốt xông cho ấm, để lâu, hàn nhập lý, cỗ không chết sau này cũng bình rề rề, còn khổ nữa... sẵn tui tui cũng phải qua sông, phụ kéo xuống qua mặt đập, rồi thầy giáo chống riết trên ruộng về nhà.

Mây lại kéo tới úp chụp trên đầu, trời tối như bưng mắt, nhìn không quá hai thước qua ánh đèn lồng trước để trên mũi xuống. Hồng nằm dài trên tấm ván xuống gồ ghề nứt nẻ, dưới tấm ny lông và mớ quần áo ướt át, con nhỏ được quấn trong chiếc khăn lông nằm trong tay mẹ nó. Tôi quặc tay giằm, móc cho mũi xuống hướng vào mặt đập. Xạc! mũi xuống gồi lên đám lục bình dày đặc trước đập, xuống chòng chành, chiếc đèn lồng rơi xuống sông, tôi cảm thấy ướt chỗ ván ngồi:" chết cha! - tôi nghĩ nhanh - nước vô xuống..." tôi tụt nhanh xuống sông, hai tay nâng, đẩy nhanh xuống vào mặt đập. Tiếng Hồng kêu lên:

- Anh! anh!, nước vô xuống!

- Anh biết rồi, em bình tĩnh, không sao đâu, tôi trấn an

Hồng đã ngồi dậy trong xuồng, lưng ướt đẫm, tay đỡ con nhỏ nâng lên cao. Tôi đứng nước mắt mé vai, gồng sức nâng xuồng lên cao...

- Chèng ơi! - thím Tám Liễu kêu lên - gì nữa đây?

- Dạ, nước vô xuồng, thím tám ơi, Hồng nói.

- Chết chớ phải chơi sao, bà Ba Thợ mộc la lên, mau phụ kéo nó lên bờ mau. Có sao không cô giáo?

- Cháu không sao, chỉ bị ướt hết lưng, tiếng Hồng run run.

- Chèng đét, mới sanh xong đã bị ướt mà còn nói không sao. Thôi bây giờ tít Tám cầm đèn đi trước, thầy giáo cõng cô giáo theo sau, tui tui ôm đồ theo sau hết. Thầy giáo nhớ, mệt thì nghỉ, để trượt té là cổ chết luôn.

"Té là chết luôn, té là chết luôn..." cõng Hồng trên lưng mà câu nói của bà Ba thợ mộc cứ vang vang trong tai, "Té là chết luôn, té là chết luôn..." Đường trơn như mỡ, sức nặng trên lưng, tôi lật lè bám chân bước từng bước một "Té là chết luôn, té là chết luôn..." Tôi cảm thấy như có giòng nước ấm chảy dài trên lưng "Té là chết luôn, té là chết luôn..."

Chỉ còn chừng hơn trăm thước nữa là đến nhà, trời lại bắt đầu lác rác, tiếng sấm gầm gừ từ xa, ánh chớp loang loáng... có tiếng thím tám phía trước:

- Mau lên thầy giáo, cô giáo trúng cơn mưa này là không xong đâu... ông Trời à! làm ơn chờ vợ chồng nó về tới nhà rồi hẵng mưa... Ráng chút lên thầy giáo!

Tôi bậm miệng bước tới, bước tới... không còn cảm giác nào khác, cứ bước tới... bước tới... bước tới... Sấm nổ ầm ầm, chớp lóe loang loáng, hàng trăm bầu vật vã vì gió...

Vừa lúc đặt được Hồng xuống giường thì mưa gió ập tới; mấy bà, người phụ thay quần áo khô cho Hồng, người lo nhúm lửa hơ...

- Coi chừng có củi giá không, khói củi giá độc lắm, sung mình mảy chết, bà Ba Thợ mộc nói.
- Con nhỏ chết lạnh bây giờ không sợ, lại sợ khói, thím Tám Liễu đáp, chèn ỏi củi gì mà ướt mem, chừng nào mới cháy đây.

Tôi rút vội mấy cuốn sách trên kệ gỗ tạp đóng sơ sài, không kịp nhìn đó là sách gì:

- Thím cứ lấy đốt, không có củi giá đâu, trâm bầu đó, nóng một chút chảy nhựa là cháy ngay.

Mùi dầu gió xông nồng nặc, tiếng bà Ba Thợ mộc nói "thím chín chà mạnh tay lên chỗ ngực và bụng của nó cho ấm"

Mưa gió đập đùng đùng vào vách lá, tôi phải chạy vội ra ngoài, cột lại tấm ny lông và che thêm nửa tấm lều vải cá nhân còn sót lại từ hồi đi Thủ Đức chỗ giường nằm cho khỏi bị tạt mưa và kín gió. Hai đứa nhỏ cũng thức dậy, ngồi thu lu trong góc giường của chúng nhìn người lớn lảng xãng quanh mẹ nó

*

* *

Mưa dịu dần, lửa cũng đã bén cháy, mùi khói tỏa ấm trong nhà, mẹ con sản phụ cũng nằm yên, hai thằng con đang tò mò ngấm nhìn em bé còn đỏ hỏn quấn gọn trong chiếc khăn lông.

Tôi nấu ấm nước, pha bình nước nóng, mời mấy bà. Thím Chín Thắng kể lại : "Lúc nghe tiếng kêu, má tôi nói, tiếng ai tuồng như tiếng Năm Thầy Giáo, bây ra thử coi. Tui ra không thấy ai, bên kia, vợ Hai Đông cũng cầm đèn bước ra hỏi, gì vậy thím chín? - hông biết, tuồng như có ai kêu cứu - cháu cũng nghe như vậy. Hai đứa tôi bước hẳn ra bờ ngó lên ngó xuống thì thấy ánh đèn lồng chỗ cô giáo. Tụi tôi bước tới thì chèn ỏi, con nhỏ xỏ

rồi, cô giáo đang hai tay bùm đũa nhỏ. Tôi la làng, má tôi chạy vô nhà lòi chiếc chiếu... Thím Tám Liễu chen vô: lúc đó tui với chị tư đang ở bên kia cầu chờ bà Ba, trời mưa đường trơn đêm hôm qua cái cầu khi đó, nói thiệt, cũng ớn, nghe chị kêu, hai chị em phang qua... kể bà ba tới cắt rún cho con nhỏ bằng con dao ăn trầu của bà Tư má Chín Thắng

Trời hửng sáng, mưa cũng ngưng rớt hột, mấy bà kiều từ ra về, tôi cũng thu xếp trở ra mặt đập, thu gọn quần áo của Hồng và nhau của con nhỏ đem về. Tôi nói với Hồng tôi phải ra lặc rửa, trả xuống rồi ra chợ kiếm ít tiền mua gạo.

Lúc trả xuống, chú Tám Lính hỏi thăm, tôi kể lại chuyện, chú chép miệng:

- Thôi, mọi chuyện qua được là may rồi, tôi có mớ ớt bị ngập nước, mới hái chiều hôm qua, định sáng nay đem chợ bán. Thầy giáo mang ra chợ bán đem về cho tôi hai chục coi như tiền vốn, còn bao nhiêu thầy giáo dùng mua đồ ăn cho cô giáo với mấy sắp nhỏ.

Tôi lí nhí mấy tiếng cảm ơn, rồi xách túi ớt ra thị xã.

Thím ba Hiệp bán hàng bông ngoài chợ cầu Lầu, mua giùm tôi mớ ớt, trả lại cho tôi hai chục, còn lại mua giùm gạo, thịt và củ cải. Lúc đưa cho tôi mang về thím cười cười nói:

- Phần này là của thầy giáo nhờ mua, còn phần này - thím đưa cho tôi gói thịt nạc - thầy nói của thím ba tặng thím giáo, nói chúc thím giáo mạnh ăn nhiều sữa cho con bú..., nè mà đừng kho chung củ cải với thịt, củ cải ăn nóng lắm không tốt cho đàn bà mới sanh đâu, kho riêng cho nó một nồi, còn bây ăn gì thì ăn!

Nước rút dần, đã thấy ít màu xanh trên ruộng, nhưng đó là màu xanh

úa của lúa sạ hôm đầu vụ, vươn nằm dài trên mặt nước, ẻo lả, yếu ớt, rạp ròn theo sóng. Nước rút nhiều hơn nữa, đó đây, vài ba đọt lúa non nhú lên khỏi mặt nước...

Vụ đó, chính vụ năm bảy mươi tám, tôi thu được bảy gạ, trên ba công ruộng. Lần đầu tôi có được lúa trong nhà.

Hòa Đa

Xóm Cầu Ngang

1

Dân miền Nam dễ dãi trong việc đặt tên người và địa danh. Cha tên Khỏe, con là Mạnh. Cha tên Lúa, đặt cho các con: Dun, Đây, Bò, Mừng, Dui... Cứ nghĩ sao, đặt vậy; cũng là cách biểu thị lòng mơ ước của người bình dân. Địa danh cũng vậy, cái gì chỉ ra được cái chung cho nơi đó thì họ gọi tên như vậy: Giáp Nước, Ngọn Miếu, Xóm Đình...Tên "chữ" chỉ nằm trên giấy tờ hành chánh. Thành thử trong miền Nam có bao nhiêu chỗ có tên Giáp Nước, Ngọn Miếu, Xóm Đình...? - Nhiều lắm, không chừng tỉnh nào, làng nào, xã nào cũng có. Cho nên câu chuyện tôi kể về Xóm Cầu Ngang này cũng có thể giống như bất kỳ Xóm Cầu Ngang nào khác, ở một làng một xã nào đó trong miền Nam, nơi sông rạch chằng chịt. Chỉ cần một cây cầu, bằng xi-măng

kiên cố hay chỉ miếng ván, thân cau, cây tre... lung lay, nổi hai xóm ở hai bờ con rạch hay con sông nhỏ, cũng có thể làm cư dân quanh đó chấp nhận cái tên "Xóm Cầu Ngang".

Hồi đó, lúc mới về làm ruộng, tôi vô tuốt trong Ngọn Miễu, sống heo hút một mình, kiểu như chán mọi chuyện, tưởng mình theo gót Lão, Trang; tìm nơi vắng vẻ, có gì ăn nấy, cứ thuận theo thiên nhiên mà sống. Phải chi không vợ con, có lẽ tôi cũng "tu" theo kiểu đó rồi. Ngặt một điều, mấy đứa con ngày càng lớn, tụi nó cũng phải đi học, phải có bạn... không lý gì tôi bắt chúng phải "tu" theo mình. Còn vợ tôi nữa, đành rằng "*có chồng thì phải theo chồng, đói no cùng chịu, lạnh lùng cùng cam*" nhưng thấy sao mà tôi quá. Cho nên, chỉ sau vài năm, tôi sang lại miếng vườn nhỏ ở Xóm Cầu Ngang, rồi dọn về đó, lòng nhủ lòng, đó là do mình "thương vợ thương con"! Bà con trong xóm, thấy tôi có chút chữ nghĩa hơn họ, gọi tâng là thầy, tôi thứ năm, họ gọi chết danh "thầy Năm" cho dù tôi không phải thầy giáo, thầy tụng, thầy ký... gì hết; không mấy người biết tên thật của tôi. Xét cho cùng, có cần gì biết tên họ thật, họ chỉ cần tên gọi để ai cũng nhận biết là được rồi, cần chăng là mấy người làm việc trên xã, nhờ tên thật khai trong đơn xin mua này mua nọ, hay trong hộ khẩu. Cả ấp, chỉ có hai "thầy" thứ thiệt là thầy giáo Lễ dạy ở trường cấp một và thầy y tá Hường phụ trách phòng y tế xã, nhưng cả hai đều ở tuốt ngoài Xóm Đình, cách xóm Cầu Ngang của tôi hơn hai cây số.

Cả xóm chừng ba mươi nóc gia, nổi nhau bằng chiếc cầu ngang ba nhịp, nhịp giữa là một thân cau lão, lung lay như răng bà già, vắt ngang con kinh chảy quanh co giữa mấy khu vườn um tùm mấy đám ô rô, cóc kèn, dừa nước mọc dày ken ở hai bờ; nhiều đêm tối trời boi xuống, không thấy được mũi

xuồng đằng trước. Đúng ra, cầu có tay vịn bằng tre, nhưng không biết ai răn mắt gỡ mắt, có ai đó thay tạm một cây trúc thấp tè ngang đầu gối, quặt quạ quặt quẹo; ban ngày ban mặt, đi một hơi năm bảy bước là qua nhịp bên kia, còn ban đêm tối hù, thôi thì bò bò đi cho chắc ăn. Cầu này hồi trước do Xây dựng Nông Thôn làm, cả ba nhịp bằng xi-măng chắc chắn. Bây giờ, chỉ còn lại hai đầu là hai tấm xi-măng mẽ nhan nhở, lòi cả cốt sắt bên trong, gối lên hai bờ, còn miếng lớn ở giữa dài hơn hai sải tay đã mục gãy, cắm đầu xuồng lòng sông, cư dân hai bên bờ thay nhịp giữa, khi thì tấm ván bìa, khi thì thân cau, thân dừa lão. Có vậy còn hơn phải lội bọc lên phía trên hay phía dưới cách hơn cây số, hay phải lội băng ngang sông.

Cư dân gồm cả dân cố cựu, cả ba bốn đời lập nghiệp ở đây, cùng với đám mới ngụ cư như gia đình tôi và Hai Phang, ngày trước đi Xây Dựng, nay về sống đùm đậu với má vợ, giáp ranh nhà tôi. Bên kia con lạch nhỏ là nhà Hai Lý, con năm đứa, hai Việt, hai lai trắng, một lai đen. Hai Lý một thời đi bán ba, chồng đập xích lô ở Sài Gòn. Trừ mấy người mới về, còn thì hầu hết là bà con xa gần với nhau. Nghề chính của dân trong xóm là làm ruộng, trước khi vào tập thể có nhà có đến mười mấy, hai chục công ruộng, sau đó chỉ còn lại năm ba công, tùy theo số lao động trong nhà nhiều hay ít. Nam phụ lão ấu trong xóm có đủ, từ mấy lão nông tri điền, bảy tám mươi tuổi, đi ruộng từ lúc còn trong bụng mẹ, cho đến đám loi chơi mới lớn. Từ ngày làm ruộng kiểu tập thể, người dân không đủ sống, quay ra làm đủ thứ nghề tay trái khác: xe đạp ôm, gia công dệt thảm, dệt chiếu cho mấy tập đoàn chiếu thảm xuất khẩu ngoài tỉnh, bán cà-rem, hót tóc dạo, mua ve chai lông vịt... đủ nghề hết! Chỉ một hai năm sau, dân trong xóm ai cũng thuận tay trái hơn tay mặt. Lúc phải làm, họ ráng sức làm chết bỏ, quên ăn quên ngủ, lúc rảnh

rang, họ nhậu, mà cũng nhậu tới bến, quên ăn quên ngủ.

2

Tiếng Tư Em bên ngoài vọng vào

- Thầy Năm ơi! ông Tư, ông già của Chín Đẹt gần "đi" rồi, thầy muốn qua đó một chút hôn, sẵn đuốc nè, mình đi luôn, có cả Hai Phang nè.

- Anh Tư chờ một chút, tui xỏ cái áo rồi ra liền

Ba anh em bò qua Cầu Ngang. Nói bò là đúng vì không dám đi, nhất là trong đêm hôm, trời lại mưa rỉ rả. Nhịp giữa cầu là một thân cây cau.

Nhà Chín Đẹt thấp sáng bằng hai cây đèn măng-sông ếch-đa của Tám Lú và Sáu Cu cho mượn, trong nhà đầy người, từ nhà trên xuống nhà dưới, ba bốn chiếc bàn tròn được bày dọc hàng hiên vì trời vẫn còn mưa lất phất. Bà con quanh xóm tụ lại, đàn bà, thanh niên lo kê bếp, nước nấu liên tục để châm trà, đàn ông ngồi túm tụm ở nhà trên bàn chuyện và... chờ. Ông Tư nằm một chỗ cũng mấy tháng nay, nên cả Chín Đẹt với bà con chòm xóm thấy chuyện ông về với ông bà chỉ còn là ngày một, ngày hai. Chín Đẹt cũng lo liệu cho cha đầy đủ, quan tài đóng sẵn từ lúc hai ông bà còn sống, bả đi trước rồi, bây giờ ông theo. Phần đất dành cho ông Tư, ngay sát cạnh bà Tư cũng đã được đám thanh niên trong xóm dọn dẹp trồng trái. Hồi chiều thằng Hai, con rể chín Đẹt qua tuốt bên Giáp Nước đem về một con bò cột đằng sau, chờ làm đám.

Ngồi chơi với anh em một chặp, tôi xin kiếu về...

Chùng gần sáng, lúc tôi châm bình trà mới thì Tư Em đi ngang báo tin:

- Thầy Năm ơi, ông Tư đi rồi...

Nhà Chín Đẹt bây giờ còn tắt bật hơn hồi đầu hôm, con bò làm đám đã được đâm hòng và đang xả thịt, tiếng người nói, tiếng dao thớt va chạm lao xao...

Ở nhà trên, người ta đã thay quần áo cho ông Tư bằng bộ bà ba trắng còn mới, hai ngón chân cái được cột dính bằng rêu vải trắng, nải chuối xanh đặt ngay ngắn trên bụng. Quan tài của ông Tư được kê ngay ngắn giữa nhà, trước bàn thờ, đã lót hai chiếu mới và vải trắng phủ ra ngoài thành quan tài. Trong góc nhà, ba bốn người đang dùng giấy báo cuốn bông gòn đã rút sạch lõi và hột, làm loa kèn để liệm người chết. Có tiếng út Một:

-Bà con cuốn giùm cho đều tay, đừng chặt quá, đừng lỏng quá !Chặt quá tốn gòn; lỏng quá dễ sút. Ờ, ờ như vậy là được rồi .

Người ta chờ rước thầy tụng, và nhờ người xuống chùa ngoài chợ huyện xin thầy coi giùm giờ liệm, giờ chôn cất. Ông Năm thợ mộc đang tính toán số con cháu ông Tư để xé khăn tang. Bà con chòm xóm quá quen thuộc với việc ma chay nên ai làm được việc gì giúp gia chủ thì làm.

Có tiếng Hai Phang:

- Thầy Năm, chín Đẹt muốn nhờ thầy...

Tôi biết anh chín muốn nhờ gì rồi, từ ngày "định cư" ở xóm Cầu Ngang này, tôi nghiêm nhiên trở thành "thư ký" của mấy đám quan hôn tang tế trong xóm. Trước tôi do ba Quang, con dì Ba Xệ, học hết tiểu học lo, khi tôi về sống trong xóm, ba Quang giao tôi, nói tôi có chữ nghĩa nhiều hơn. Tôi chịu trách nhiệm về sổ sách chi thu, đám ma ghi rõ ai phúng điếu bao nhiêu, chi

tiền chợ cho ai bao nhiêu; đám cưới ai đi mừng bao nhiêu. Phần tiền mặt do một người bà con gia chủ giữ; miễn sao cho tiền trên giấy tờ và thực tế ăn khớp nhau là được. Tôi cũng vui vẻ nhận, mình từ chợ về, không biết gì nhiều về tập tục dân làng, lại không phải là người có sức vóc gì, thì giúp cho họ trong việc ghi chép phân minh việc tiền bạc cũng là việc nên làm, sẵn dịp học cách sống thật của người dân quê mà đám có học ngoài "chợ" chỉ biết rất mù mờ qua sách vở, tiểu thuyết.

Một chiếc rạp được dựng tạm ngoài sân che nắng, gần chục bộ bàn tròn đã bày ra. Đám thanh niên mau tay lẹ chân lo hết mấy việc này, họ bơi xuồng đến mấy nhà kha khá mượn chén đĩa, nôi niêu, bàn ghế. Mượn của ai, nói thư ký ghi giấy, mai một gia chủ cứ theo đó mà trả. Sinh hoạt này, ngày trước sống nơi thị tứ không thấy. Ở đây, một nhà hữu sự, mọi người cùng góp công, góp sức, nhất là những lúc bất ngờ như vậy, không thấy ai kêu ca hay từ chối, bất kể có mất mát hay hư hao chút đỉnh. Mà cũng ngộ, nhà nào cho mượn cũng có dấu riêng, như hai bộ bàn ghế của Bảy Dệt có ghi 7d ở mặt dưới; còn chén đĩa thì họ chấm sơn màu ở khu. Thường tôi phải ghi rõ: Hai Tú 10 tô, 30 chén, chấm vàng; Tám Ú 5 tô nhỏ, 6 đĩa, 15 chén, 2 chấm xanh... còn đĩa chỉ ghi bao nhiêu đôi, lúc trả gia chủ chỉ cần đếm cho đủ mà trả, thiếu chút đỉnh không sao; đĩa tre mà, một lóng tre già chẻ được hơn chục đôi, của có sẵn, ngồi chuốt chừng tiếng đồng hồ, được cả rồi

Dân trong xóm đã tụ lại khá đông, họ ngồi uống trà bên ngoài. Bên trong, thầy tụng đang làm lễ nhập quan và phát tang cho con cháu ông Tư. Tiếng thầy í a lên xuống đều đặn theo tiếng chuông mõ, tiếng khóc khi lớn khi nhỏ lao xao với tiếng người nói chuyện rì rầm... Người ta khen ông Tư được phước, chết ở tuổi tám mươi ba là thọ quá rồi, con cháu đầy đủ, ấm cúng.

Hồi còn sống, mỗi khi qua chín Đẹt chơi ông vẫn thường chỉ cho tôi coi cỗ quan tài bằng lõi gỗ còng nâu bóng và nặng trĩu kê trong góc chái mà nói:

- Năm coi, như vậy là qua yên tâm rồi, chỉ còn chờ ngày theo bả thôi.

Chín Đẹt chen vào;

- Tía tui khoái nó lắm, hồi năm, tui cho hạ cây còng lão, lõi ra gần tới da, đem ngâm dưới mương cả hai ba năm rồi nhờ ông Năm Thợ Mộc đóng cho tía má tui hai quan tài, bả nhường cho ông phần gốc. Bả nói, để ông chết, ông nằm trong đó cho lâu, khỏi sợ con gì đục tới...

Người ta bắt đầu phúng điếu, họ nhường cho thông gia đi trước. Tiếng trống tung tung chát tung tung cùng với tiếng chập chĩa xập xòe giữ nhịp cho việc lên gôi xuống gôi quì lạy giã từ người chết Thông gia đông quá, chín Đẹt là con út mà đã có tới hai sui rồi, kể hết sui gia với mấy anh chị, tính ra gần hai chục. Họ phải đến chào ông Tư lần chót, đạo nghĩa phải như vậy, ông là bậc trưởng thượng, với lại *anh em ngày một xa, sui gia ngày một gần* mà!

Thằng hai con chín Đẹt mang tiền trên bàn thờ xuống:

- Thầy Năm ghi giùm: sui cô Bảy hai trăm, sui bác Ba hai trăm, ba chồng con tư ba trăm... cứ ghi như vậy tía tui biết hà.

Bên ngoài bắt đầu lao xao mời chào, tiếng hai Phang:

- Dạ, mời chú tư ngồi vô bàn này cho đủ người! Dạ, chú về sao được, tới cúng ông Tư rồi, cũng phải uống ly rượu lạt với gia đình cho phải phép...

... Cứ như vậy, người nào tới lúc trời kêu cứ đi, kẻ còn lại vẫn cứ nếp cũ mà sống. Có người uống vài hớp rượu gấp vài món ăn cho phải lễ rồi xin kiếu, cũng có người mượn rượu gia chủ để miệt mài thỏa mãn. Có lần hai Phang buông thông "... hèn chi có người gọi đi phúng điếu đám ma là đi chia thết!"...

Xong đám, hôm cúng thất cho ông Tư, nghe bà con nói, ông Tư chết như vậy là ầm cúng, trong xóm ai cũng tới cúng, mấy người quen biết ở xóm Đình, Ngọn Miếu cũng đến. Tiền phúng điếu, sau khi trừ hết mọi chi phí, chín Đẹt còn "lời" hơn năm ngàn. Tư Em nói với tôi qua hơi rượu:

- Thầy Năm biết hông? không phải ai cũng được vậy đâu, hồi năm thầy chưa về; trong xóm, có ông hai Tổng chết. Nhà giàu quá, thằng con làm phách nói: "Lo gì! mỡ trôi tới đâu, lòng tong theo tới đó" dân trong xóm nghe được, không thèm tới! Chỉ có đám tá điền sợ mất ruộng, đến cúng cho có mặt, báo hại con bò, con heo gần một tạ với hơn chục gà vịt chết theo ổng lảng nhách. Sau mấy ngày, thằng con phải năn nỉ ông Năm thợ mộc hồi đó làm trùm trong xóm, đem khay trầu rượu xuống Xóm Đình năn nỉ đám "dung quan" xuống khiêng quan tài, mà ở bên nghe bên này không làm cũng phải cử người vô xin phép trước. Sau đó đám con cháu hai Tổng hết dám làm phách với dân trong xóm, nhưng câu nói "mỡ trôi tới đâu, lòng tong theo tới đó" còn hoài.

3

Đám cúng thất cho ông Tư xong hôm trước, hôm sau cậu năm Côi dựng nhà. Cả đời gom góp, gần sáu mươi, cậu mới dựng được căn nhà có phần bề thế đó. Cậu năm về cặm dùi ở đây từ hơn ba mươi năm nay. Hồi đó chỉ có vài nóc gia, ruộng thì mình mông mà ở đâu cũng có chủ, phải mướn lại qua trung gian của tăng khạo. Ăn ít làm nhiều, ky cóp mua lại được mấy công đất cạnh bờ kinh, móc mương lên liếp lập vườn... Tính ra hơn hai mươi năm cậu mới đủ tiền đổ móng cuốn nền, lót gạch bông, tới đó hết vốn đành cất tạm căn nhà lá trên nền gạch bông, tuy coi khá hơn mấy nhà chung quanh

nhưng ngó kỳ cục giống như mấy bát nhang chun đèn bằng sành, bằng gỗ thô, ngự trên tủ thờ danh mộc có cảnh hoa văn xà cừ óng ánh.

Hai người con trai lớn của cậu Năm chuyên đổi ve chai lông vịt ở xa, mỗi chuyến ghe mất ba bốn tuần, cũng cần cù chất mót như cha, góp tiền mua được bộ cột kèo bằng cây rừng từ xưởng cưa máy ngoài tỉnh. Ba cha con kỳ cốp gần cả chục năm nay, bây giờ mới dựng căn nhà tương đối kiên cố khang trang.

Ông Năm thợ mộc được mời tới xẻ đục gần tháng mới xong, lúc đó mỗi lần tôi có việc đi ngang, thế nào cậu năm Côi và ông Năm thợ mộc cũng hú vào uống nước trà. Ông thợ giỏi nghề và khéo tay, lại có tiếng là hiền đức, mát tay nên ai cũng cậy ông dựng nhà. Ông cũng lớn tuổi, biết nhiều tập tục nghi lễ cũ theo sách Văn Công Thọ Mai, nên ai có việc cũng nhờ tới ông. Tôi thích ông vì ông biết nhiều chuyện mà tôi không thấy trong sách vở hồi còn đi học. Có lần vui miệng ông Năm thợ mộc nói:

- Thầy năm biết hông, hồi mới học nghề, thầy tui dạy đóng cái "kệ" trước, mà không phải riêng tui, ai học nghề này cũng học đóng cái "kệ" trước.
 - Sao vậy ông năm? sao không học đóng cái gì cho dễ mà đóng chi cái kệ cho khó trước?
 - Thầy hông biết, nghề này cưa xéo một chút, đục trật một chút, đẽo hư ... cái gì cũng nói "kệ" nó, hông phải nghề này học đóng cái "kệ" trước à?
- Lần khác, Hai Phang sửa lại chái nhà, kê phần gốc tre làm kèo chái lên trên, ông Năm thợ mộc cười cười nói:
- Trồng tre trở gốc lên trời, con chị xong rồi, tính tới con em.

Hai Phang khoái chí, chả là cô em vợ Hai Phang thấy cũng có cảm tình với

ông anh rẽ đàn hay, hát giỏi xuất thân từ lực lượng tay súng tay cày này.

Hôm dựng nhà, tôi cũng lên góp một tay, gì thì gì, mình cũng làm thợ vịn thợ phụ được mà. Trước bàn thờ, bày sẵn ba hũ sành đựng đầy gạo, muối, nước, một con heo nhỏ và một con gà cột ở chân bàn thờ; Trên bàn bày bình bông, xôi chè, bánh ngọt, và một đĩa trái cây gồm một trái măng cầu, một trái dừa xiêm nhỏ, một trái đu đủ còn xanh và một trái xoài; Cậu năm Côi quần áo chỉnh tề thấp nhang khăn vái, cầu quỉ thần, đất đai nhân trạch, tổ tiên ông bà, xin được "cầu vừa đủ xài" và trong nhà lúc nào gạo, muối và nước lúc nào cũng đầy lu đầy hũ, cầu cho lúc nào cũng nuôi được con heo, con gà để không bỏ phí đồ ăn thừa, hạt thóc rơi rớt ... Mơ ước của người bình dân đơn giản như vậy đó mà lắm lúc cũng không có được.

Cúng xong, mọi người xúm vào làm theo lệnh của ông năm thợ mộc, chỉ hơn nửa buổi, sườn nhà đã dựng xong. Com nước, gia chủ đã dọn sẵn trên ba bàn tròn, mời mọi người dùng bữa chờ nước lớn để gác đòn vông. Chuyện này thì có lần tư Em đã nói với tôi, người ta tin rằng, gác đòn vông lúc nước lớn gần đúng là lúc sung nhất, gia chủ nhờ vào sự đầy đủ của con nước mà làm ăn khá. Việc nhìn con nước lớn để làm những việc hệ trọng này, tôi chỉ thấy ở trong Nam. Như việc rước dâu chẳng hạn; ở chợ hay ngoài Bắc, ngoài Trung, thường người ta rước dâu vào giờ tốt; trong Nam, giờ tốt là giờ nước lớn đầy. Ông bà mình cũng khéo tạo thành một thứ tin tưởng có tính thực dụng, vì thường ở trong vườn người ta rước dâu bằng ghe, rui giờ tốt rước dâu (như kiểu ngoài Trung, ngoài Bắc) nhằm lúc nước ròng sát đáy sông (dám có lắm chứ!) thì thiệt là phiền, làm sao đưa với rước cô dâu, chú rể và họ hàng hai bên xuống ghe qua bãi bùn lún tới gôi?

Đang ngồi chung bàn với Tư Em và Hai Phang, cậu Năm Côi lại khêu tôi và Hai Phang nói nhỏ:

- Qua nhờ hai cháu một chuyện, tí nữa lúc thượng đèn vông, hai cháu làm sao cố cầm Bảy Lược ở bàn nhậu, rượu thịt qua biểu sắp nhỏ lo, cứ cho chả uống thả giàn, làm sao đừng cho thằng chả leo lên mái...

- Sao vậy cậu năm ? - Tôi ngạc nhiên hỏi lại

- Thằng chả cũng là thợ mộc, biết bùa Lỗ Ban! chả lên đó đóng bậy cây đinh ếm là qua khổ suốt đời. Cũng hỏng chừng, chả lên đó làm bộ trật tay quăng cây búa đóng đinh của chả trúng nhằm ngạch cửa là qua cũng tiêu, cháu không biết chớ thằng chả độc lắm, chả ghét ai thì ếm cho tiêu luôn, nên qua sợ... Cả đời qua, cả nhà qua chất mọt dành dụm mới có được như vậy, qua sợ thằng chả ganh ghét làm bậy, thà tốn rượu thịt cho thằng chả mà qua có thể yên tâm...

Chiếc đèn vông có bịt hai vuông vải đỏ hai đầu kê trang trọng giữa nhà. Ba Quang từ bờ sông chạy vào kêu lớn:

- Nước đứng rồi, ông Năm ơi!

Hai người trung niên đã lên ngồi sẵn trên mái, hai người khác đang đứng chờ cạnh cây đèn vông. Ông Năm thợ mộc thấp năm nhang đứng cạnh gia chủ, trước cây đèn , khấn. Sau khi cắm nhang vào bát, ông quay lại nói:

- Cần thận nhen bậy, chuyện quan trọng đừng giỡn hớt không nên.

Hai người bước tới, cùng một lúc trang trọng nâng chiếc đèn vông, bước từng bước một lên hai chiếc thang được dựng sẵn. Tiếng ông Năm thợ mộc nhắc nhở:

- Đi lên cho đều, có hai chú nào quờn, vịn giùm hai cái thang cho vững...

Hai người ngồi sẵn đón hai đầu chiếc đèn vông. đặt đúng vào vị trí hai kèo trước và sau giao nhau...

Đến chiều, căn nhà của cậu Năm Côi cũng dựng xong, chỉ còn ráp bộ cửa,

ngày mai ông Năm Thọ Mộc sẽ lo. Gia chủ lại mời mọi người ăn, lần này thì nhậu thả cửa vì công việc đã hoàn tất. Tôi gần xỉn vì phải cùng Hai Phang chuốc rượu cho Bảy Lợm, nhưng cũng không kiếu về được vì cậu Năm Côi nài nỉ quá.

Tư Em cũng đủ đô, bắt đầu lè nhè nói thơ:

- Thầy Năm biết "*Tửu phùng tri kỷ thiên bôi thiếu*" là gì hông?

Không đợi tôi nói, Tư Em giải thích luôn:

- Rượu gặp người tri kỷ (như thầy Năm đây) thì có trời mới biếu thôi. thầy Năm hiểu hông *thiên bôi thiếu* là *trời biếu thôi* mà, phải hông thầy Năm, thầy dô cặn ly này tôi đọc thơ thầy nghe:

Rượu uống đừng say giữ tính thường

Tránh đường hoa nguyệt khỏi tai ương

Đừng ham cờ bạc còn gia sản

Giận tức mà dấn họa khỏi vương

phải hôn thầy Năm. thằng cha Bảy Lợm đó mà Lỗ Ban con mẹ gì, thầy Năm.

Tôi hoảng hồn đá chân Tư Em cản

- Thôi ghen Tư Em, rượu uống bậy được chớ lời không nói bậy được nghe Tư Em.

- Tui nói thiệt mà thầy Năm, hồi thầy chưa về đây, nhà thằng chả bị ăn trộm, chả đi khắp xóm nói chả sẽ ém bùa, thằng lấy trộm nhà chả trong xóm chớ không đâu xa. trong vòng bảy bảy bốn chín ngày không trả sẽ sinh bụng mà chết. Chả dán lá bùa trên cây gòn đầu xóm, báo hại mấy đứa chăn trâu không dám đi ngang. Cửa mắt không thấy trả lại, nhà thằng chả bị trộm lần nữa, lần này nó lấy bộ churen đèn trên bàn thờ, chỉ chừa lại bát nhang. Không

thấy thằng nào sinh bụng chết, chỉ thấy cây gòn có dán bùa không biết sao nó chết queo. Lỗ Ban gì, lỗ hang thì có.

Tôi lấy cớ Tư Em xin rồi, xin kiếu đưa Tư Em về... dọc đường Tư Em cứ lảm nhảm "Con người sống phải biết Nhân Nghĩa Lễ Trí Tín, phải hôn thầy Năm?" Tôi biết khi Tư Em nói tới đó là biết y sắp tiêu. Tư Em mạnh rượu hơn tôi nhiều, chỉ vì *thiên bồi thiếu* mà lần nào cũng chìm xuống.

Hôm sau, Bảy Lượm khăn đóng áo dài đi qua lại trước nhà Tư Em chửi: - đ.m. mày Tư Em, tao chửi mày như vậy là tao chửi có văn hóa, ăn mặc đàng hoàng mà chửi, không phải như mày không có văn hóa, ở trần quần xà lỏn nói xấu tao... Cây gòn chết là nó tới số nó chết, thằng nào ăn trộm nhà tao, không chết trước thì cũng chết sau. đ.m. mày Tư Em, có thằng nào không chết, có thằng nào chết mà bụng không sinh lên...

Tư Em trong nhà, vẫn còn xin, nói vọng ra "Con người sống phải biết Nhân Nghĩa Lễ Trí Tín"

Thế đó, đã gần cuối thế kỷ hai mươi. mà người dân trong Xóm Cầu Ngang của tôi cũng còn mang đủ gần hết những cái tốt và xấu từ thời mới tụ dân lập ấp.

Houston - tháng 10/2006

Nguồn: <http://chimviet.free.fr>
Được bạn: Thanh Vân đưa lên
vào ngày: 8 tháng 6 năm 2009